



**TĂNG CƯỜNG HIỂU BIẾT VÀ TẬN DỤNG
ƯU ĐÃI THUẾ XUẤT NHẬP KHẨU HÀNG HÓA
TRONG CÁC HIỆP ĐỊNH THƯƠNG MẠI TỰ DO
MÀ VIỆT NAM THAM GIA**
DỰ ÁN TẠO THUẬN LỢI THƯƠNG MẠI
DO USAID TÀI TRỢ

Tháng 8/2021

Tài liệu này được xây dựng bởi dự án Tạo thuận lợi thương mại do USAID tài trợ. Quan điểm của tác giả được trình bày trong ấn phẩm này không nhất thiết phản ánh quan điểm của Cơ quan phát triển quốc tế Hoa Kỳ hoặc chính phủ Hoa Kỳ.

(ĐỂ TRỐNG TRANG NÀY)

MỤC LỤC

DANH MỤC CHỮ VIẾT TẮT

I. TỔNG QUAN VỀ FTA VÀ CÁC VẤN ĐỀ CƠ BẢN ÁP DỤNG THUẾ XUẤT NHẬP KHẨU ƯU ĐÃI VÀ ƯU ĐÃI ĐẶC BIỆT TRONG CÁC HIỆP ĐỊNH/THỎA THUẬN

1. TỔNG QUAN VỀ FTA CỦA VIỆT NAM

- 1.1. HỆ THỐNG FTA 2
- 1.2. TỔNG QUAN LỘ TRÌNH TỰ DO HÓA THEO CÁC FTA 3
- 1.3. SƠ LƯỢC THUẾ SUẤT CỦA CÁC NHÓM MẶT HÀNG THEO CÁC HIỆP ĐỊNH THƯƠNG MẠI TỰ DO 4

2. CÁC VẤN ĐỀ CƠ BẢN VỀ ÁP DỤNG THUẾ XUẤT NHẬP KHẨU

- 2.1. CÁC LOẠI THUẾ XUẤT KHẨU 6
- 2.2. CÁC LOẠI THUẾ NHẬP KHẨU 6
- 2.3. CÁCH THỨC TÍNH THUẾ 7
- 2.4. NGUYÊN TẮC ÁP DỤNG THUẾ MFN, THUẾ FTA, THUẾ THÔNG THƯỜNG 8
- 2.5. SỰ KHÁC NHAU TRONG CAM KẾT GIỮA CÁC FTA ĐỐI VỚI CÙNG NHÓM HÀNG 9
- 2.6. HẠN NGẠCH THUẾ QUAN VÀ THUẾ SUẤT ÁP DỤNG 9
- 2.7. CÔNG ƯỚC QUỐC TẾ VỀ HỆ THỐNG HÀI HÒA MÔ TẢ VÀ MÃ HÓA HÀNG HÓA CỦA TỔ CHỨC HẢI QUAN THẾ GIỚI, DANH MỤC THUẾ QUAN HÀI HÒA ASEAN, DANH MỤC HÀNG HÓA XUẤT KHẨU, NHẬP KHẨU VIỆT NAM 11
- 2.8. MỘT SỐ TRƯỜNG HỢP MIỄN THUẾ 11
- 2.9. GIẢM THUẾ TỰ NGUYỆN 12

3. CÁC VẤN ĐỀ CƠ BẢN ÁP DỤNG VỀ XUẤT XỨ

- 3.1. CÁC KHÁI NIỆM CƠ BẢN VỀ XUẤT XỨ 12
- 3.2. CÁC MẪU C/O ƯU ĐÃI THEO CÁC FTA ĐANG THỰC HIỆN 13
- 3.3. CÁC CƠ QUAN CẤP C/O ƯU ĐÃI 13
- 3.4. THỜI ĐIỂM NỘP CHỨNG TỪ CHỨNG NHẬN XUẤT XỨ ĐỐI VỚI HÀNG NHẬP KHẨU 13
- 3.5. MỘT SỐ TRƯỜNG HỢP ĐẶC BIỆT 13
- 3.6. THỜI HẠN HIỆU LỰC CỦA CHỨNG TỪ CHỨNG NHẬN XUẤT XỨ 14
- 3.7. C/O ĐIỆN TỬ 14
- 3.8. TỰ CHỨNG NHẬN XUẤT XỨ 14
- 3.9. TỰ CHỨNG NHẬN XUẤT XỨ ĐỐI VỚI HÀNG HÓA NHẬP KHẨU 14
- 3.10. TỰ CHỨNG NHẬN XUẤT XỨ ĐỐI VỚI HÀNG HÓA XUẤT KHẨU 14
- 3.11. MIỄN CHỨNG TỪ CHỨNG NHẬN XUẤT XỨ HÀNG HÓA 15
- 3.12. VẬN CHUYỂN TRỰC TIẾP VÀ QUÁ CẢN CHUYỂN TẢI 15

4. CÁC VẤN ĐỀ CƠ BẢN VỀ QUY TRÌNH THỦ TỤC HẢI QUAN

- 4.1. ĐIỀU KIỆN ĐỂ ĐƯỢC HƯỞNG THUẾ ƯU ĐÃI ĐẶC BIỆT ĐỐI VỚI HÀNG XUẤT KHẨU 16
- 4.2. ĐIỀU KIỆN ĐỂ ĐƯỢC HƯỞNG THUẾ ƯU ĐÃI ĐẶC BIỆT ĐỐI VỚI HÀNG NHẬP KHẨU 16
- 4.3. SƠ LƯỢC VỀ QUY TRÌNH, THỦ TỤC HẢI QUAN ĐỐI VỚI HÀNG NHẬP KHẨU ÁP DỤNG THUẾ FTA 16
- 4.4. SƠ LƯỢC VỀ QUY TRÌNH, THỦ TỤC HẢI QUAN ĐỐI VỚI HÀNG XUẤT KHẨU ÁP DỤNG THUẾ FTA 17

II. HƯỚNG DẪN CHI TIẾT VỀ THUẾ XUẤT KHẨU, NHẬP KHẨU ƯU ĐÃI ĐẶC BIỆT

- A) HƯỚNG DẪN CÁCH ĐỌC CAM KẾT VỀ THUẾ QUAN THEO CÁC FTA 18
- B) GIỚI THIỆU, HƯỚNG DẪN TRA CỨU THUẾ BẰNG WEBSITE CỦA TCHQ 19
- C) TRA CỨU THUẾ NHẬP KHẨU, XUẤT KHẨU ƯU ĐÃI CỦA CÁC NƯỚC ĐỐI TÁC 23

III. MỘT SỐ THÔNG TIN HỮU ÍCH

- A) TRA CỨU THUẾ CỦA MỘT NƯỚC BẤT KỲ 24
- B) MỘT SỐ THÔNG TIN KHÁC 25
 - B.1. DANH MỤC VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT 25
 - B.2. MỘT SỐ CÔNG CỤ ĐỂ TRA CỨU CÁC THÔNG TIN VỀ THƯƠNG MẠI 28
 - B.3. MỘT SỐ VẤN ĐỀ KHÁC 30

IV. TỔNG KẾT

32

DANH MỤC BẢNG

Bảng 1 So sánh Thuế suất bình quân áp dụng với một số nhóm mặt hàng chịu thuế xuất khẩu của EVFTA, UKVFTA và CPTPP năm 2021.....	5
Bảng 2. Phương pháp tính thuế.....	7
Bảng 3. Nhóm mặt hàng áp dụng hạn ngạch thuế quan của Việt Nam	9
Bảng 4. Mẫu C/O theo các Hiệp định thương mại tự do.....	13

DANH MỤC HÌNH VẼ

Hình 1. Hiệp định thương mại tự do mà Việt Nam là thành viên.....	2
Hình 2. Tổng hợp Hiệp định thương mại tự do Việt Nam tham gia tính đến tháng 5/2021 và tỉ lệ tự do hóa cuối lộ trình của Việt Nam	3
Hình 3 Bảng so sánh Thuế suất bình quân của các FTA áp dụng với các ngành hàng nhập khẩu chính năm 2020	4
Hình 4. Minh họa các loại thuế nhập khẩu	8
Hình 5. Cam kết theo hạn ngạch thuế quan đối với lá thuốc lá chưa chế biến theo VN – EAEU FTA.....	11

DANH MỤC CHỮ VIẾT TẮT

AANZFTA	Hiệp định thành lập Khu vực Thương mại tự do ASEAN - Ôt-xtrây-li-a - Niu - Di-lân
ACFTA	Hiệp định Thương mại hàng hóa ASEAN - Trung Quốc
AHKFTA	Hiệp định Thương mại Tự do ASEAN - Hồng Kông, Trung Quốc
AHTN	Danh mục thuế quan hài hòa ASEAN
AIFTA	Hiệp định Thương mại hàng hóa ASEAN – Ấn Độ
AJCEP	Hiệp định Đối tác Kinh tế toàn diện ASEAN – Nhật Bản
AKFTA	Hiệp định Thương mại hàng hoá ASEAN – Hàn Quốc
APEC	Diễn đàn Hợp tác Kinh tế châu Á – Thái Bình Dương
ASEAN	Hiệp hội các Quốc gia Đông Nam Á
ATIGA	Hiệp định Thương mại hàng hóa ASEAN
AWSC	Cơ chế tự chứng nhận xuất xứ toàn khối ASEAN
C/O	Giấy chứng nhận xuất xứ hàng hóa
CPTPP	Hiệp định Đối tác Toàn diện và Tiến bộ xuyên Thái Bình Dương
EVFTA	Hiệp định Thương mại tự do giữa Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Liên minh châu Âu
FTA	Hiệp định thương mại tự do
HS	Hệ thống hài hòa mô tả và mã hóa hàng hóa
MFN	Nguyên tắc đối xử tối huệ quốc
RCEP	Hiệp định Đối tác Kinh tế Toàn diện Khu vực
REX	Cơ chế doanh nghiệp đăng ký tự chứng nhận xuất xứ
UKVFTA	Hiệp định thương mại tự do giữa Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Liên hiệp Vương quốc Anh và Bắc Ai-len
USAID	Cơ quan Phát triển Quốc tế Hoa Kỳ
VCCI	Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam
VCFTA	Hiệp định Thương mại tự do giữa Chính phủ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Chính phủ nước Cộng hòa Chi Lê
VJEPA	Hiệp định Đối tác Kinh tế Việt Nam – Nhật Bản
VKFTA	Hiệp định Thương mại tự do Việt Nam – Hàn Quốc
VN-EAEU FT	Hiệp định Thương mại tự do giữa một bên là Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và bên kia là Liên minh Kinh tế Á-Âu và các nước thành viên
WTO	Tổ chức Thương mại Thế giới

I. TỔNG QUAN VỀ FTA VÀ CÁC VẤN ĐỀ CƠ BẢN ÁP DỤNG THUẾ XUẤT NHẬP KHẨU ƯU ĐÃI VÀ ƯU ĐÃI ĐẶC BIỆT TRONG CÁC HIỆP ĐỊNH THƯƠNG MẠI TỰ DO

Cam kết thuế xuất khẩu, nhập khẩu là một nội dung chính trong các Hiệp định thương mại tự do (FTA) với mục tiêu nhằm tạo thuận lợi tối đa cho hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu, gia tăng lợi ích thương mại giữa các thành viên tham gia hiệp định.

Tuy nhiên, không phải hàng hóa nào cũng được xóa bỏ thuế quan mà phụ thuộc vào lộ trình cam kết cũng như việc đáp ứng các điều kiện để được hưởng mức thuế suất cam kết. Ngoài ra, việc luân chuyển hàng hóa giữa các quốc gia còn phụ thuộc vào quy trình thủ tục hải quan đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu.

Theo đó, để tận dụng cam kết thuế xuất khẩu, nhập khẩu trong các các FTA cần tập trung nghiên cứu 3 nội dung chính, được khái quát tại sổ tay hướng dẫn, bao gồm:

- Thuế và chính sách thuế xuất nhập khẩu: Quy tắc cắt giảm thuế xuất khẩu, nhập khẩu và cam kết cắt giảm thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu đối với một số nhóm mặt hàng cụ thể trong các FTA.
- Quy tắc xuất xứ: Tổng quan các quy định liên quan đến xuất xứ và chứng từ chứng nhận xuất xứ theo quy định của các FTA để được hưởng ưu đãi thuế xuất khẩu, nhập khẩu.
- Quy định về Hải quan: Khái quát về quy trình thủ tục hải quan nhằm tạo thuận lợi cho hàng hóa được hưởng ưu đãi thuế xuất khẩu, nhập khẩu.

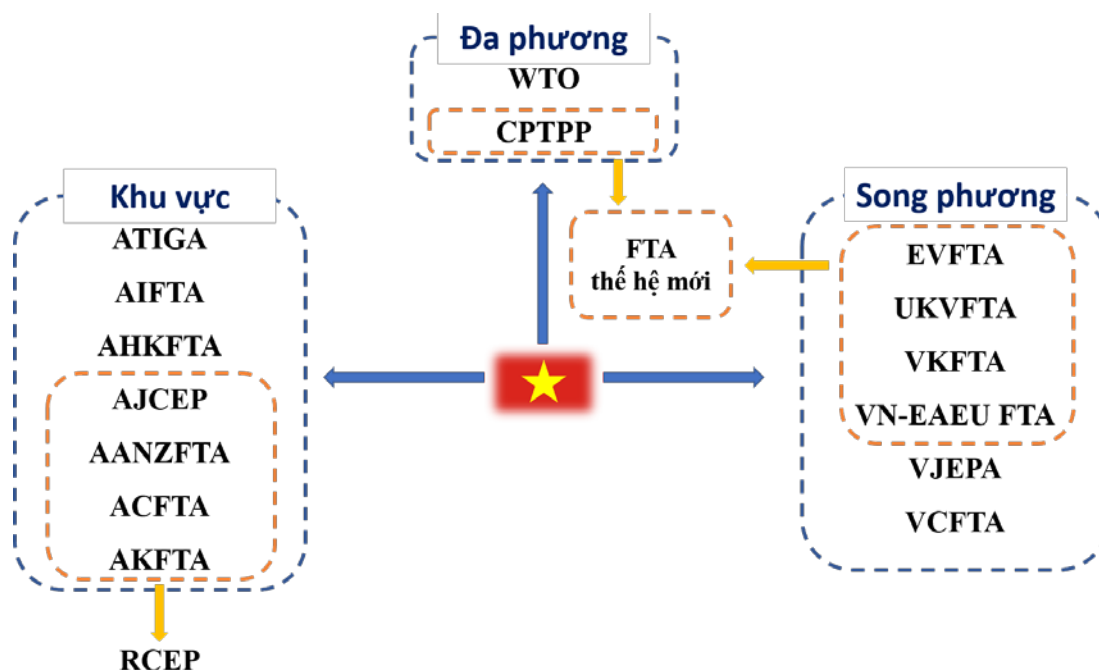
1. TỔNG QUAN VỀ FTA CỦA VIỆT NAM

Ngày nay, cùng với sự phát triển nhanh chóng của khoa học – công nghệ, xu thế toàn cầu hóa đã và đang tác động mạnh mẽ đến đời sống của từng quốc gia và từng khu vực. Hội nhập kinh tế quốc tế trở thành một tất yếu khách quan trên con đường phát triển của mỗi một quốc gia và Việt Nam cũng không ngoại lệ. Việc tham gia WTO cũng như ký kết các Hiệp định, thỏa thuận thương mại - đặc biệt là các Hiệp định thương mại tự do (FTA) thể hiện cho quyết tâm thực hiện tự do hóa thương mại, coi mở cửa hội nhập là ưu tiên hàng đầu trong các chính sách phát triển của nước ta. Và thực tế đã chứng minh những tác động tích cực của các FTA lên mọi mặt của đời sống kinh tế xã hội.

1.1. HỆ THỐNG FTA

Hiệp định thương mại tự do (FTA) là một thỏa thuận nhằm mục đích tự do hóa thương mại thông qua các cam kết cắt giảm và xóa bỏ thuế quan, rào cản phi thuế quan; các quy định tạo thuận lợi cho trao đổi hàng hóa, dịch vụ và đầu tư giữa các thành viên trong FTA, đồng thời tiếp tục duy trì chế độ thuế quan độc lập với hàng hóa nhập khẩu ngoài FTA.

Sau khi chính thức gia nhập Tổ chức Thương mại Thế giới (WTO) vào năm 2007, Việt Nam đã có những bước tiến mạnh mẽ vào quá trình toàn cầu hóa và hội nhập kinh tế quốc tế, thông qua nỗ lực đàm phán và ký kết nhiều FTA với đa dạng các cấp độ từ thấp đến cao. Tính đến tháng 9 năm 2021, Việt Nam đã ký kết 15 FTA, trong đó có 14 FTA đang thực hiện.



Hình 1. Hiệp định thương mại tự do mà Việt Nam là thành viên

Bắt đầu tham gia vào FTA với tư cách là thành viên trong khuôn khổ khu vực ASEAN, Việt Nam dần chủ động mở rộng việc hợp tác song phương với các đối tác thương mại lớn như Nhật Bản, Hàn Quốc... Bên cạnh đó, đồng hành với xu thế phát triển của quá trình tự do hóa thương mại và liên kết sản xuất toàn cầu, Việt Nam tiếp tục tham gia sâu hơn thông qua các FTA thế hệ mới đa phương với mức độ, phạm vi cam kết sâu rộng và toàn diện, bao hàm các lĩnh vực “phi truyền thống” như CPTPP, EVFTA, tạo nên ba trụ cột lớn bức tranh hội nhập kinh tế quốc tế.

Tiến trình thực thi các cam kết về cắt giảm hàng rào thuế quan và mở cửa thị trường đã đóng góp vào sự tăng trưởng mạnh mẽ trong hoạt động xuất nhập khẩu. Theo số liệu thống kê từ năm 2015 đến 2021, kim ngạch xuất nhập khẩu hàng năm đều tăng trưởng nhanh.

Tuy nhiên, các doanh nghiệp Việt Nam đứng trước sức ép cạnh tranh lớn và rất nhiều thách thức nhằm tuân thủ việc thực thi và tận dụng có hiệu quả những ưu đãi đặc biệt mà các FTA mang lại. Tỷ lệ doanh nghiệp tận dụng ưu đãi từ cắt giảm thuế quan trong các FTA không đạt mức cao như kỳ vọng dù vẫn tăng dần qua từng năm.

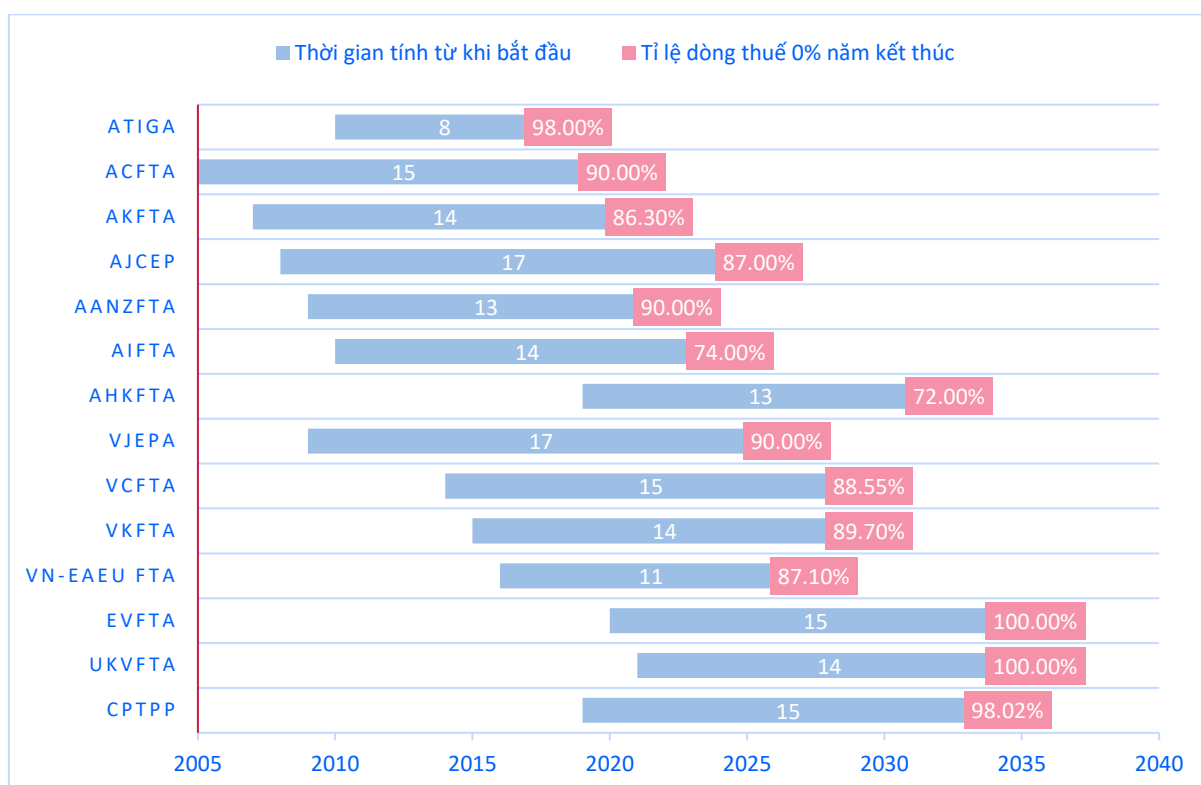
Đặc biệt trong bối cảnh một đối tác thương mại có thể cùng Việt Nam tham gia trong nhiều FTA với các quy định khác biệt đan xen giữa khuôn khổ các hiệp định, việc tìm hiểu sự phân biệt trong cam kết thuế quan, lộ trình tự do hóa cũng như cách tra cứu biểu thuế xuất khẩu, nhập khẩu ưu đãi đặc biệt, quy định trong quy tắc xuất xứ, thủ tục hải quan giữa hệ thống FTA để có thể lựa chọn, đáp ứng điều kiện và sử dụng hiệu quả mức ưu đãi thuế quan là cần thiết cho các doanh nghiệp Việt Nam.

1.2. TỔNG QUAN LỘ TRÌNH TỰ DO HÓA THUẾ XUẤT KHẨU, NHẬP KHẨU THEO CÁC FTA

Cam kết thuế xuất khẩu, nhập khẩu trong hầu hết các FTA mà Việt Nam là thành viên đều hướng tới tỷ lệ tự do hóa cao, trung bình đạt mức trên 90% số dòng thuế của Biểu thuế nhập khẩu ưu đãi đặc biệt có thuế suất về 0% ở cuối lộ trình. Trong giai đoạn 2018 – 2022, phần lớn các FTA bước vào giai đoạn cắt giảm sâu chuẩn bị hoàn thành lộ trình theo cam kết.

Một số FTA hiện nay đã hoàn thành lộ trình cắt giảm thuế quan và đều đạt tỷ lệ tự do hóa cao như ATIGA (98%), ACFTA (90%) và AKFTA (86,3%). Các FTA thế hệ mới như CPTPP và EVFTA đều hướng tới **xóa bỏ hoàn toàn** thuế quan lần lượt vào năm 2034 và 2035.

Lưu ý: Mỗi FTA có quy định khác nhau về thời điểm có hiệu lực. Đối với FTA song phương sẽ là thời điểm 2 bên hoàn tất phê chuẩn và thực hiện thủ tục thông báo, với FTA đa phương thường khi đảm bảo một số lượng nhất định các quốc gia hoàn tất phê chuẩn và thực hiện thủ tục thông báo. Như vậy, chỉ những quốc gia đã hoàn tất phê chuẩn thì mới dành cho nhau các ưu đãi thuế quan đã cam kết tại FTA. Ví dụ như trường hợp CPTPP, hiện nay, mới chỉ có 8/11 quốc gia đã phê chuẩn Hiệp định này.



Hình 2. Tổng hợp Hiệp định thương mại tự do Việt Nam tham gia tính đến tháng 5/2021 và tỷ lệ tự do hóa cuối lộ trình của Việt Nam

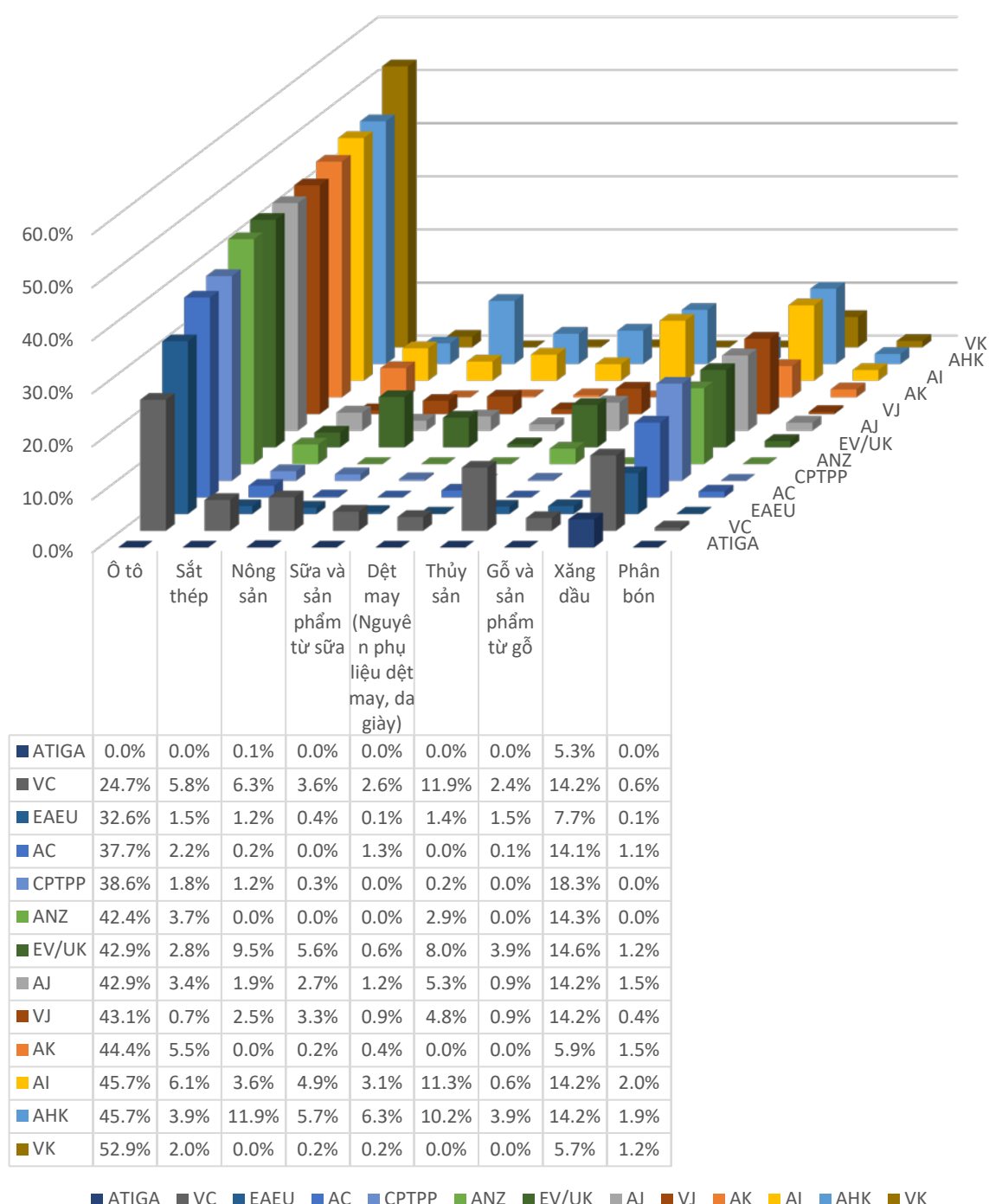
Nguồn: Vụ Hợp tác quốc tế - Bộ Tài chính

1.3. SƠ LƯỢC THUẾ SUẤT CỦA CÁC NHÓM MẶT HÀNG THEO CÁC HIỆP ĐỊNH THƯƠNG MẠI TỰ DO

Mặc dù đều có mức độ mở cửa cao đối với cam kết về thuế xuất nhập khẩu, tuy nhiên, sự khác biệt trong lộ trình tự do hóa dẫn đến sự phân hóa khác nhau về mức thuế suất áp dụng giữa các FTA khi xét đến cùng một ngành hàng, mặt hàng xuất nhập khẩu, trong cùng một giai đoạn.

1.3.1. Một số nhóm hàng nhập khẩu chính vào Việt Nam theo các FTA

Hình 3 Bảng so sánh Thuế suất bình quân của các FTA áp dụng với các ngành hàng nhập khẩu chính năm 2020



1.3.2. Một số nhóm hàng xuất khẩu chịu thuế của Việt Nam theo các FTA

Hiện nay, đối với các mặt hàng chịu thuế xuất khẩu, Việt Nam chỉ ban hành Nghị định Biểu thuế xuất khẩu ưu đãi đặc biệt để thực hiện cam kết trong 03 khuôn khổ FTA thế hệ mới, bao gồm: CPTPP, EVFTA VÀ UKVFTA.

Bảng I So sánh Thuế suất bình quân áp dụng với một số nhóm mặt hàng chịu thuế xuất khẩu của EVFTA, UKVFTA và CPTPP năm 2021

Nhóm	Mặt hàng tiêu biểu	EVFTA/ UKVFTA	CPTPP
Xóa bỏ thuế XK sau khi giữ nguyên ở mức hiện hành trong 5 năm	- Da sống (tươi, hoặc muối, khô, ngâm vôi, axit hoá hoặc được bảo quản cách khác, nhưng chưa thuộc, chưa làm thành da trống hoặc gia công thêm). - Niken sten, oxit niken nung kết và các sản phẩm trung gian khác của quá trình luyện niken; Bột và vảy niken. - Chì ở dạng tấm, lá, dải và lá mỏng; bột và vảy chì; Bột, bụi và vảy kẽm; Thiếc ở dạng thanh, que, dạng hình và dây.	6,39%	6,27%
Xóa bỏ thuế XK sau khi giữ nguyên ở mức hiện hành trong 7 năm	- Hydro, khí hiếm và các phi kim loại khác. - Kẽm oxit; kẽm perooxit. - Titan oxit. - Coban sten và các sản phẩm trung gian khác từ luyện coban; coban và các sản phẩm bằng coban, kể cả phế liệu và mảnh vụn.	6,67%	6,67%
Xóa bỏ thuế XK sau 10 năm lộ trình thuế giảm đều	- Các loại cây và các bộ phận của cây, chủ yếu dùng làm nước hoa, làm dược phẩm hoặc thuốc trừ sâu, thuốc diệt nấm, hoặc các mục đích tương tự, tươi hoặc khô, đã hoặc chưa cắt, nghiền hoặc xay thành bột. - Gỗ đã cưa hoặc xẻ theo chiều dọc, lạng hoặc bóc, đã hoặc chưa bào, đánh giấy ráp hoặc ghép nối đầu, có độ dày trên 6 mm. - Kim cương, đã hoặc chưa được gia công, nhưng chưa được gắn hoặc nạm đá; Đá quý (trừ kim cương) và đá bán quý, đã hoặc chưa được gia công hoặc phân loại nhưng chưa khâu chuỗi, chưa gắn hoặc nạm đá. - Sten đồng; đồng xi măng, Đồng tinh luyện và hợp kim đồng chưa gia công; Bột và vảy đồng; Magie và các sản phẩm của magie, kể cả phế liệu và mảnh vụn.	15.49%	11,98%
Xóa bỏ thuế XK sau 12 năm lộ trình thuế giảm đều	- Bột hóa thạch silic và đất silic tương tự, đã hoặc chưa nung, có trọng lượng riêng không quá 1. - Đá cuội, sỏi, đá đã vỡ hoặc nghiền, chủ yếu để làm cốt bê tông, để rải đường bộ hay	15.16%	12.39%

	đường sắt hoặc đá balat khác, đá cuội nhỏ và đá flin (đá lửa tự nhiên), đã hoặc chưa qua xử lý nhiệt; đá ở dạng viên, mảnh và bột, làm từ các loại đá thuộc nhóm 25.15 hoặc 25.16, đã hoặc chưa qua xử lý nhiệt. Quặng molipden và tinh quặng molipden.		
Xóa bỏ thuế XK sau 15 năm lộ trình thuế giảm đều	- Đá phấn, Đá cẩm thạch, đá vôi vàng nhạt (lợt), Quặng thiếc/crôm và tinh quặng thiếc/crôm; Niken/Chì/Kẽm phế liệu và mảnh vụn. - Molypden/ Tantan/ Magie/ Titan/Bismut/ Cadimi và các sản phẩm làm từ Molypden/ Tantan/ Magie/Titan/Bismut/ Cadimi, kể cả phế liệu và mảnh vụn. - Gốm kim loại và các sản phẩm làm từ gốm kim loại, kể cả phế liệu và mảnh vụn.	20.08%	17.24%

Nguồn: Vụ Hợp tác quốc tế - Bộ Tài chính

2. CÁC VẤN ĐỀ CƠ BẢN VỀ ÁP DỤNG THUẾ XUẤT NHẬP KHẨU

2.1. CÁC LOẠI THUẾ XUẤT KHẨU

a) Thuế xuất khẩu là thuế áp dụng đối với hàng hóa thuộc Biểu thuế xuất khẩu theo Danh mục nhóm hàng chịu thuế khi xuất khẩu qua cửa khẩu, biên giới Việt Nam và xuất khẩu tại chỗ. Trong đó:

- Biểu thuế xuất khẩu theo Danh mục nhóm hàng chịu thuế và khung thuế suất thuế xuất khẩu đối với từng nhóm hàng chịu thuế của Việt Nam được ban hành kèm theo Luật Thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu số 107/2016/QH13 và chi tiết hóa thành 1571 dòng thuế thuộc 210 nhóm hàng và 01 nhóm hàng đặc biệt (gồm vật tư, nguyên liệu, bán thành phẩm không quy định tại 210 nhóm hàng nêu trên có giá trị tài nguyên, khoáng sản cộng với chi phí năng lượng chiếm từ 51% giá thành sản phẩm trở lên) quy định tại Nghị định số 57/2020/NĐ-CP ngày 25/5/2020 của Chính phủ.
- Hàng hóa xuất khẩu tại chỗ theo quy định tại khoản 1 Điều 35 Nghị định số 08/2015/NĐ-CP ngày 21/01/2015 gồm:
 - Hàng hóa đặt gia công tại Việt Nam và được tổ chức, cá nhân nước ngoài đặt gia công bán cho tổ chức, cá nhân tại Việt Nam;
 - Hàng hóa mua bán giữa doanh nghiệp nội địa với doanh nghiệp chế xuất, doanh nghiệp trong khu phi thuế quan;
 - Hàng hóa mua bán giữa doanh nghiệp Việt Nam với tổ chức, cá nhân nước ngoài không có hiện diện tại Việt Nam và được thương nhân nước ngoài chỉ định giao, nhận hàng hóa với doanh nghiệp khác tại Việt Nam.

b) Thuế xuất khẩu ưu đãi là thuế xuất khẩu áp dụng đối với hàng hóa xuất khẩu sang nước, nhóm nước hoặc vùng lãnh thổ có thỏa thuận ưu đãi về thuế xuất khẩu trong quan hệ thương mại với Việt Nam ((áp dụng cho CPTPP, EVFTA và UKVFTA).

2.2. CÁC LOẠI THUẾ NHẬP KHẨU

a) Thuế nhập khẩu là thuế áp dụng đối với hàng hóa nhập khẩu qua cửa khẩu, biên giới vào Việt Nam và nhập khẩu tại chỗ.

- Hàng hóa nhập khẩu tại chỗ bao theo quy định tại khoản 1 Điều 35 Nghị định số 08/2015/NĐ-CP ngày 21/01/2015 gồm:
 - Hàng hóa đặt gia công tại Việt Nam và được tổ chức, cá nhân nước ngoài đặt gia công bán cho tổ chức, cá nhân tại Việt Nam;
 - Hàng hóa mua bán giữa doanh nghiệp nội địa với doanh nghiệp chế xuất, doanh nghiệp trong khu phi thuế quan;

- o Hàng hóa mua bán giữa doanh nghiệp Việt Nam với tổ chức, cá nhân nước ngoài không có hiện diện tại Việt Nam và được thương nhân nước ngoài chỉ định giao, nhận hàng hóa với doanh nghiệp khác tại Việt Nam.

b) Thuế nhập khẩu ưu đãi (thuế MFN) là thuế nhập khẩu áp dụng đối với hàng hóa nhập khẩu có xuất xứ từ nước, nhóm nước hoặc vùng lãnh thổ thực hiện đối xử tối huệ quốc trong quan hệ thương mại với Việt Nam; hàng hóa từ khu phi thuế quan nhập khẩu vào thị trường trong nước đáp ứng điều kiện xuất xứ từ nước, nhóm nước hoặc vùng lãnh thổ thực hiện đối xử tối huệ quốc trong quan hệ thương mại với Việt Nam.

c) Thuế nhập khẩu ưu đãi đặc biệt (thuế FTA) là thuế nhập khẩu áp dụng đối với hàng hóa nhập khẩu có xuất xứ từ nước, nhóm nước hoặc vùng lãnh thổ có thỏa thuận ưu đãi đặc biệt về thuế nhập khẩu trong quan hệ thương mại với Việt Nam; hàng hóa từ khu phi thuế quan nhập khẩu vào thị trường trong nước đáp ứng điều kiện xuất xứ từ nước, nhóm nước hoặc vùng lãnh thổ có thỏa thuận ưu đãi đặc biệt về thuế nhập khẩu trong quan hệ thương mại với Việt Nam.

d) Thuế nhập khẩu thông thường là thuế nhập khẩu áp dụng đối với hàng hóa nhập khẩu không thuộc các trường hợp quy định tại điểm b và điểm c nêu trên. Việc áp dụng thuế suất thông thường và mức thuế suất thông thường được áp dụng kể từ ngày 01/01/2018 đến nay theo quy định tại Quyết định số 45/2017/QĐ-TTg ngày 16/11/2017 của Thủ tướng Chính phủ.

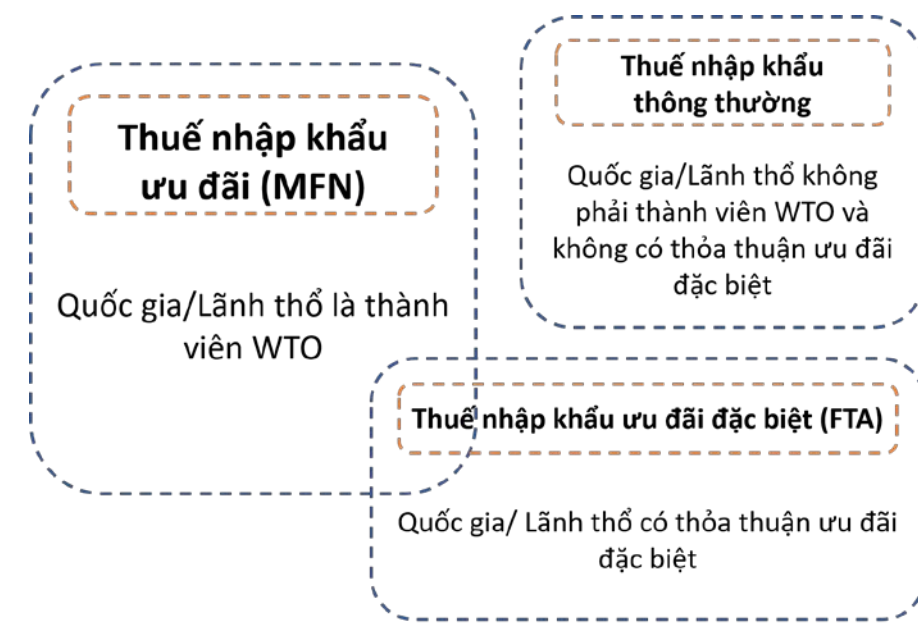
2.3. PHƯƠNG PHÁP TÍNH THUẾ

Bảng 2. Phương pháp tính thuế

Phương pháp	Cách xác định	Ví dụ Tính số tiền thuế nhập khẩu đối với xe thuộc mã 8703.xx.xx năm 2021
Phương pháp tính thuế theo tỉ lệ phần trăm (%)	là việc xác định thuế theo phần trăm (%) của trị giá tính thuế hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu	Trị giá tính thuế của xe nhân (x) 70%
Phương pháp tính thuế tuyệt đối	là việc ấn định số tiền thuế nhất định trên một đơn vị hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu	01 xe đã qua sử dụng nhân (x) 10.000 USD/xe = 10.000 USD
Phương pháp tính thuế hỗn hợp	là việc áp dụng đồng thời phương pháp tính thuế theo tỉ lệ phần trăm và phương pháp tính thuế tuyệt đối.	(Trị giá tính thuế x 70%) + 10.000 USD

Hiện nay, Việt Nam chỉ áp dụng phương pháp tính thuế hỗn hợp đối với nhóm mặt hàng ô tô đã qua sử dụng nhập khẩu, còn lại các mặt hàng khác đều áp dụng phương pháp tính thuế theo tỉ lệ phần trăm khi xuất khẩu, nhập khẩu.

2.4. NGUYÊN TẮC ÁP DỤNG THUẾ MFN, THUẾ FTA, THUẾ THÔNG THƯỜNG



Hình 4. Minh họa các loại thuế nhập khẩu

Doanh nghiệp có quyền lựa chọn mức thuế suất ưu đãi nhất và/hoặc khả thi nhất để được áp dụng. Có thể xảy ra các trường hợp sau:

(1) Thuế suất FTA ưu đãi hơn thuế suất MFN nhưng kèm theo các điều kiện, trong đó có điều kiện về xuất xứ hàng hoá, để hưởng thuế suất FTA theo quy định tại các hiệp định.

Ví dụ: Năm 2021, mã hàng xxxx.xx.xx khi nhập khẩu từ Trung Quốc vào Việt Nam có mức thuế suất MFN là 10%, có hai mức thuế suất FTA ưu đãi nhất bao gồm: thuế suất ACFTA là 5%, thuế suất CPTPP là 3,5%. Do Trung Quốc là đối tác truyền thống nên từ năm 2018 đến nay, doanh nghiệp đều sử dụng Giấy chứng nhận xuất xứ (C/O) mẫu E để được áp dụng mức thuế suất 5%. Đến năm 2021, thuế suất của mặt hàng này trong CPTPP cắt giảm xuống còn 3,5%, thấp hơn trong ACFTA, nên doanh nghiệp có thể cân nhắc tận dụng ưu đãi này. Tuy nhiên, sau khi tính toán, mức chênh lệch 1,5% thuế suất không đủ để bù đắp các chi phí liên quan khác. Đồng thời, thời gian vận chuyển hàng nhập khẩu từ các nước thành viên CPTPP về Việt Nam lớn hơn so với đối tác truyền thống Trung Quốc. Do vậy, doanh nghiệp có thể vẫn quyết định sử dụng C/O mẫu E để được hưởng mức thuế suất ACFTA 5%.

(2) Thuế suất MFN ưu đãi hơn thuế suất FTA:

- Thuế suất MFN được điều hành theo khung thuế suất (ví dụ: một mặt hàng có mức trần cam kết là 30% thì tùy thuộc vào chính sách mặt hàng theo từng thời kỳ, mức thuế suất của mặt hàng đó sẽ được quy định thấp nhất là 0% và cao nhất là 30%).
- - Thuế suất FTA: Mỗi dòng hàng trong mỗi FTA có một mức thuế cơ sở nhất định, mức thuế suất cơ sở thường được xác định là thuế suất MFN tại thời điểm đàm phán và sẽ được cắt giảm theo lộ trình đã cam kết kể từ khi FTA có hiệu lực.

Trường hợp thuế suất MFN ưu đãi hơn thuế suất FTA xảy ra khi (i) các bên đàm phán FTA thống nhất lựa chọn thuế suất cơ sở tại thời điểm thuế suất MFN chưa đến mốc cắt giảm theo cam kết WTO và/hoặc mức thuế suất MFN đang được điều hành ở mức thuế suất trần tại thời điểm lựa chọn thuế suất cơ sở, và (ii) mặt hàng được cam kết cắt giảm thuế suất với lộ trình dài hoặc không cam kết cắt giảm thuế theo quy định tại FTA. Theo đó, sau khi thuế suất MFN đã được cắt giảm theo cam kết WTO, có những thời điểm, thuế suất FTA do đang ở những năm đầu của lộ trình cắt giảm nên vẫn ở mức cao hơn so với thuế suất MFN hiện hành.

Áp dụng nguyên tắc lựa chọn mức thuế suất nhập khẩu ưu đãi nhất, thuế suất MFN sẽ được lựa chọn, thay vì thuế suất FTA, trong trường hợp này.

2.5. SỰ KHÁC NHAU TRONG CAM KẾT GIỮA CÁC FTA ĐỐI VỚI CÙNG NHÓM HÀNG

Đàm phán thuế FTA dựa trên cơ sở các nhóm mặt hàng quan tâm của các Bên tham gia đàm phán và xây dựng phương án đàm phán để cân bằng lợi ích giữa các Bên trên cơ sở mức độ mở cửa thị trường đối với các nhóm mặt hàng này. Như đã nêu trên, mỗi dòng hàng trong mỗi FTA có một mức thuế cơ sở nhất định, mức thuế suất cơ sở thường được xác định là thuế suất MFN tại thời điểm đàm phán. Vì vậy, dẫn đến các nhóm mặt hàng giống nhau có mức cam kết cắt giảm thuế quan khác nhau theo từng FTA.

Ví dụ: Mã hàng xxxx.xx.xx có mức thuế suất cơ sở 10%, có thể được cam kết 0% ngay khi FTA có hiệu lực hoặc cắt giảm theo lộ trình 3 năm, 5 năm, 7 năm... hoặc thậm chí giữ nguyên mức thuế suất... Điều này phụ thuộc vào tầm quan trọng của mặt hàng này đối với từng đối tác FTA.

2.6. HẠN NGẠCH THUẾ QUAN VÀ THUẾ SUẤT ÁP DỤNG

Hạn ngạch thuế quan nhập khẩu là biện pháp do cơ quan nhà nước có thẩm quyền áp dụng để quyết định số lượng, khối lượng, trị giá của hàng hoá nhập khẩu với mức thuế suất trong hạn ngạch ưu đãi hơn so với mức thuế suất ngoài hạn ngạch. Theo quy định của Luật Thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu 2016, mức thuế suất quy định tại các biểu thuế ban hành kèm theo các nghị định của Chính phủ là mức thuế suất trong hạn ngạch thuế quan, mức thuế suất ngoài hạn ngạch thuế quan do cơ quan có thẩm quyền quy định, cụ thể là tại Nghị định số 57/2020/NĐ-CP ngày 25/5/2020 của Chính phủ.

Theo cam kết WTO, các nhóm mặt hàng áp dụng hạn ngạch thuế quan của Việt Nam gồm: trứng gia cầm (04.07), đường (17.01), lá thuốc lá (24.01) và muối (25.01). Về cơ bản, đây cũng là các mặt hàng cam kết áp dụng hạn ngạch thuế quan trong các FTA của Việt Nam, ngoài ra còn có mặt hàng ô tô đã qua sử dụng trong Hiệp định CPTPP.

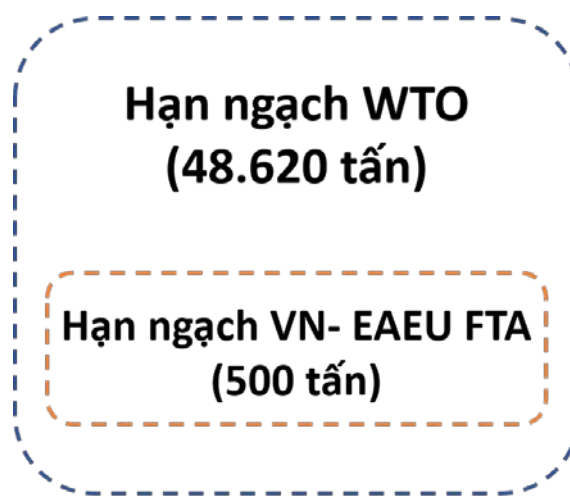
Mặc dù cùng là nhóm mặt hàng áp dụng hạn ngạch thuế quan trong WTO và FTA của Việt Nam, nhưng mức độ cam kết (bao gồm lượng hạn ngạch và mức thuế suất trong hạn ngạch, ngoài hạn ngạch) của mỗi nhóm mặt hàng trong các khuôn khổ cam kết khác nhau là khác nhau, chi tiết áp dụng cho năm 2021 tại bảng dưới đây:

Bảng 3. Nhóm mặt hàng áp dụng hạn ngạch thuế quan của Việt Nam

Khuôn khổ	Mặt hàng áp dụng	Lượng HNTQ	Thuế suất trong HNTQ	Thuế suất ngoài HNTQ
WTO	Trứng gia cầm	60.819 tá	40%	80%
	Đường	108.000 tấn	25-40% tùy mặt hàng	80-100% tùy mặt hàng
	Lá thuốc lá	62.053 tấn	30%, trừ cộng thuốc lá 15%	80-90% tùy mặt hàng
	Muối	80.000 tấn	13-30%	50-60% tùy mặt hàng
AANZ FTA	Trứng gia cầm	Theo WTO	0%	Không cam kết
	Đường	Theo WTO	0%	80-100%
	Lá thuốc lá	Theo WTO	0%	Không cam kết
	Muối	Theo WTO	0%	Không cam kết
VN-EAEU FTA	Trứng gia cầm	10.210,25 tá	0%	Không cam kết
	Đường	Theo WTO	Không cam kết	Không cam kết
	Lá thuốc lá	500 tấn trong tổng lượng HNTQ WTO	0%	Không cam kết
	Muối	Theo WTO	Không cam kết	Không cam kết
ACFTA	Trứng gia cầm	Theo WTO	50%	Không cam kết
	Đường	Theo WTO	50% (đường củ cải 5%)	Không cam kết
	Lá thuốc lá	Theo WTO	50%	Không cam kết

Khuôn khổ	Mặt hàng áp dụng	Lượng HNTQ	Thuế suất trong HNTQ	Thuế suất ngoài HNTQ
	Muối	Theo WTO	50%	Không cam kết
AJCEP	Trứng gia cầm	Theo WTO	5%	Không cam kết
	Đường	Theo WTO	Không cam kết	Không cam kết
	Lá thuốc lá	Theo WTO	Không cam kết	Không cam kết
	Muối	Theo WTO	0%	Không cam kết
ATIGA	Trứng gia cầm	Theo WTO	5%	Không cam kết
	Đường	Không áp dụng HNTQ		
	Lá thuốc lá	Theo WTO	Không cam kết	Không cam kết
	Muối	Theo WTO	0%	Không cam kết
VCFTA	Trứng gia cầm	Theo WTO	30%	Không cam kết
	Đường	Theo WTO	Không cam kết	Không cam kết
	Lá thuốc lá	Theo WTO	Một số mặt hàng 30%, còn lại không cam kết	Không cam kết
	Muối	Theo WTO	8-13%	Không cam kết
VJEPA	Trứng gia cầm	Theo WTO	7,5%	Không cam kết
	Đường	Theo WTO	Không cam kết	Không cam kết
	Lá thuốc lá	Theo WTO	Không cam kết	Không cam kết
	Muối	Theo WTO	0%	Không cam kết
VKFTA	Trứng gia cầm	Theo WTO	30%	Không cam kết
	Đường	Theo WTO	15%	Không cam kết
	Lá thuốc lá	Theo WTO	30%, trừ cộng thuốc lá 15%	Không cam kết
	Muối	Theo WTO	10-30%	Không cam kết
CPTPP	Trứng gia cầm	Theo WTO	10%	Không cam kết
	Đường	Theo WTO	16-25%	Không cam kết
	Lá thuốc lá	575 tấn	51-57%	Mức thuế suất cơ sở
	Muối	Theo WTO	9,5-19%	Không cam kết
	Ô tô đã qua sử dụng	39 xe không quá 3.000cc 39 xe trên 3.000cc	3,7-52,5% + thuế tuyệt đối phụ thuộc dung tích xi-lanh	Duy trì mức thuế suất cơ sở
EVFTA và UKVFTA	Trứng gia cầm	Theo WTO	24,5%	Không cam kết
	Đường	Theo WTO	12,2%	Không cam kết
	Lá thuốc lá	Theo WTO	12,2-24,5%	Không cam kết
	Muối	Theo WTO	8,1-24,5%	Không cam kết

(Đối với những nội dung không cam kết, hàng hóa nhập khẩu không được hưởng thuế suất ưu đãi theo cam kết tại FTA tại thời điểm nhập khẩu tương ứng)



Hình 5. Cam kết theo hạn ngạch thuế quan đối với lá thuốc lá chưa chế biến theo VN – EAEU FTA

Ví dụ về việc áp dụng hạn ngạch thuế quan lá thuốc lá nhập khẩu từ Liên bang Nga năm 2021 (giả định doanh nghiệp đủ điều kiện nhập khẩu lá thuốc lá theo quy định hiện hành):

Lá thuốc lá có xuất xứ theo Hiệp định VN-EAEU FTA được hưởng thuế suất 0% trong hạn ngạch thuế quan. Khi doanh nghiệp sử dụng hết 500 tấn hạn ngạch thuế quan theo Hiệp định VN-EAEU FTA, doanh nghiệp có thể áp dụng hạn ngạch thuế quan trong khuôn khổ WTO với thuế suất 30% trong hạn ngạch. Hết lượng hạn ngạch WTO được phân bổ, nếu vẫn còn nhu cầu nhập khẩu, doanh nghiệp sẽ phải nhập khẩu với mức thuế suất ngoài hạn ngạch thuế quan là 80% hoặc 90% tùy mặt hàng cụ thể.

2.7. CÔNG ƯỚC QUỐC TẾ VỀ HỆ THỐNG HÀI HÒA MÔ TẢ VÀ MÃ HÓA HÀNG HÓA CỦA TỔ CHỨC HẢI QUAN THẾ GIỚI, DANH MỤC THUẾ QUAN HÀI HÒA ASEAN, DANH MỤC HÀNG HÓA XUẤT KHẨU, NHẬP KHẨU VIỆT NAM

Việt Nam đã tham gia Công ước quốc tế về Hệ thống hài hòa mô tả và mã hóa hàng hóa của Tổ chức Hải quan thế giới (Công ước HS). Trên cơ sở thực hiện Nghị định thư quy định việc thực hiện Danh mục thuế quan hài hòa ASEAN (AHTN), Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành theo thẩm quyền các Thông tư về Danh mục hàng hoá xuất khẩu, nhập khẩu Việt Nam mỗi 5 năm/lần.

Danh mục hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu Việt Nam đang được áp dụng là phiên bản AHTN 2017 ban hành kèm theo Thông tư số 65/2017/TT-BTC ngày 27/6/2017 của Bộ trưởng Bộ Tài chính, áp dụng kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2018. Các biểu thuế FTA của Việt Nam ban hành kèm theo các Nghị định của Chính phủ về biểu thuế để thực thi FTA theo từng giai đoạn được xây dựng trên cơ sở Danh mục hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu Việt Nam với mức thuế suất cam kết cụ thể cho từng năm.

Trường hợp Danh mục hàng hoá xuất khẩu, nhập khẩu Việt Nam được sửa đổi, bổ sung theo thẩm quyền của Bộ trưởng Bộ Tài chính, việc áp dụng thuế suất FTA theo các mã hàng có thể bị thay đổi. Khi đó, người khai hải quan kê khai mô tả, mã hàng hoá theo Danh mục hàng hoá xuất khẩu, nhập khẩu Việt Nam đã được sửa đổi, bổ sung và áp dụng thuế suất của mã hàng hoá được sửa đổi, bổ sung.

2.8. MỘT SỐ TRƯỜNG HỢP MIỄN THUẾ

Một số trường hợp miễn thuế theo quy định tại các FTA mà Việt Nam là thành viên được quy định chi tiết tại Luật Thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu số 107/2016/QH13, bao gồm:

- Hàng hóa có trị giá hoặc có số tiền thuế phải nộp dưới mức tối thiểu.
- Hàng hóa tạm nhập, tái xuất, tạm xuất, tái nhập để: tổ chức hoặc tham dự hội chợ, triển lãm, giới thiệu sản phẩm, sự kiện thể thao, văn hóa, nghệ thuật hoặc các sự kiện khác.

- Hàng hóa tạm nhập, tái xuất hoặc tạm xuất, tái nhập để bảo hành, sửa chữa, thay thế.
- Phương tiện quay vòng theo phương thức tạm nhập, tái xuất hoặc tạm xuất, tái nhập để chứa hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu.
- Hàng hóa không nhằm mục đích thương mại trong các trường hợp sau: hàng mẫu; ảnh, phim, mô hình thay thế cho hàng mẫu; ấn phẩm quảng cáo số lượng nhỏ.

2.9. GIẢM THUẾ TỰ NGUYỆN

Theo quy định tại các FTA, việc giảm thuế tự nguyện có thể theo hai hình thức sau:

(1) Một Bên có thể đơn phương đẩy nhanh việc cắt giảm hoặc xóa bỏ thuế quan đối với hàng hóa có xuất xứ từ (các) Bên còn lại theo Biểu cam kết của Bên đó theo Hiệp định và phải thông báo cho (các) Bên còn lại sớm nhất có thể trước khi thuế suất mới có hiệu lực. Bên đơn phương đẩy nhanh có thể tăng mức thuế quan trở lại như mức đã quy định tại lộ trình cắt giảm hoặc xóa bỏ thuế quan mà Bên đó đã cam kết tại Hiệp định.

(2) Trên cơ sở yêu cầu của một Bên, việc đơn phương đẩy nhanh cắt giảm thuế suất có thể được thực hiện sau khi Bên nhận được yêu cầu tiến hành tham vấn và được các Bên thống nhất. Nếu các Bên đồng ý sửa đổi cam kết thì sửa đổi này sẽ thay thế cam kết đã có trước đây tại Biểu lộ trình cam kết cắt giảm/xóa bỏ thuế quan của Hiệp định và được thực hiện theo điều khoản về sửa đổi của Hiệp định.

3. CÁC VẤN ĐỀ CƠ BẢN VỀ QUY TẮC XUẤT XỨ

3.1. CÁC KHÁI NIỆM CƠ BẢN VỀ XUẤT XỨ

- Xuất xứ hàng hóa là nước, nhóm nước, hoặc vùng lãnh thổ sản xuất ra toàn bộ hàng hóa hoặc nơi thực hiện công đoạn chế biến cơ bản cuối cùng đối với hàng hóa trong trường hợp có nhiều nước, nhóm nước, hoặc vùng lãnh thổ tham gia vào quá trình sản xuất ra hàng hóa đó.
- Quy tắc xuất xứ là các quy định về xuất xứ áp dụng cho hàng hóa. Quy tắc xuất xứ được quy định riêng biệt cho từng FTA, đây là điều kiện tiên quyết để xem xét việc áp dụng ưu đãi thuế quan cho hàng hóa giữa các nước thành viên FTA.
- Chứng từ chứng nhận xuất xứ hàng hóa bao gồm:
 - a) Giấy chứng nhận xuất xứ hàng hóa dưới dạng văn bản hoặc các hình thức khác có giá trị pháp lý tương đương do cơ quan, tổ chức có thẩm quyền cấp cho thương nhân;
 - b) Chứng từ tự chứng nhận xuất xứ hàng hóa do thương nhân phát hành.
- Giấy chứng nhận xuất xứ hàng hóa (C/O) là văn bản hoặc các hình thức có giá trị pháp lý tương đương do cơ quan, tổ chức thuộc nước, nhóm nước, hoặc vùng lãnh thổ xuất khẩu hàng hóa cấp dựa trên quy định và yêu cầu liên quan về xuất xứ, chỉ rõ nguồn gốc xuất xứ của hàng hóa đó.
- Chứng từ tự chứng nhận xuất xứ hàng hóa là văn bản hoặc các hình thức có giá trị pháp lý tương đương do thương nhân tự phát hành, cam kết về xuất xứ của hàng hóa.

3.2. CÁC MẪU C/O ƯU ĐÃI THEO CÁC FTA ĐANG THỰC HIỆN

Bảng 4. Mẫu C/O theo các Hiệp định thương mại tự do

STT	Tên FTA	Mẫu C/O cho hàng hóa
1	ATIGA	C/O mẫu D
2	ACFTA	C/O mẫu E
3	AJCEP	C/O mẫu AJ
4	AKFTA	C/O mẫu AK
5	AANZFTA	C/O mẫu AANZ
6	AIFTA	C/O mẫu AI
7	AHKFTA	C/O mẫu AHK
8	VJEPA	C/O mẫu VJ (hoặc mẫu JV cho hàng nhập khẩu từ Nhật Bản)
9	VKFTA	C/O mẫu VK (hoặc mẫu KV cho hàng nhập khẩu từ Hàn Quốc)
10	EVFTA	C/O mẫu EUR. 1
11	VCFTA	C/O mẫu VC
12	EAEU FTA	C/O mẫu EAV
13	UKVFTA	C/O mẫu EUR. 1
14	Việt Nam - Cuba	C/O mẫu VN-CU
15	Việt Nam - Lào	C/O mẫu S
16	Việt Nam – Cam-pu-chia	C/O mẫu X
17	CPTPP	CPTPP không có mẫu C/O mà chỉ quy định về thông tin tối thiểu của chứng từ chứng nhận xuất xứ. Đối với hàng hóa xuất khẩu, tại văn bản quy định trong nước đã bổ sung C/O mẫu CPTPP để dễ dàng trong việc áp dụng.

3.3. CÁC CƠ QUAN CẤP C/O ƯU ĐÃI

Bộ Công Thương tổ chức việc thực hiện cấp Giấy chứng nhận xuất xứ hàng hoá xuất khẩu; trực tiếp cấp hoặc uỷ quyền cho Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam và các tổ chức khác thực hiện việc cấp Giấy chứng nhận xuất xứ hàng hoá xuất khẩu.

Danh sách cơ quan cấp C/O ưu đãi có thể dễ dàng tra cứu theo địa chỉ: <http://www.ecosys.gov.vn/Homepage/DepartmentView.aspx>

3.4. THỜI ĐIỂM NỘP CHỨNG TỪ CHỨNG NHẬN XUẤT XỨ ĐỐI VỚI HÀNG NHẬP KHẨU

Theo quy định hiện nay, người khai hải quan phải nộp chứng từ chứng nhận xuất xứ hàng hóa tại thời điểm làm thủ tục hải quan

Trường hợp chưa có chứng từ chứng nhận xuất xứ hàng hóa nhập khẩu tại thời điểm làm thủ tục hải quan để áp dụng thuế suất thuế nhập khẩu ưu đãi đặc biệt, người khai hải quan phải khai chậm nộp chứng từ chứng nhận xuất xứ trên tờ khai hải quan nhập khẩu và thực hiện khai bổ sung và nộp chứng từ chứng nhận xuất xứ hàng hóa trong thời hạn ba mươi ngày kể từ ngày đăng ký tờ khai hải quan.

3.5. MỘT SỐ TRƯỜNG HỢP ĐẶC BIỆT

Đối với C/O mẫu EAV, người khai hải quan nộp chứng từ chứng nhận xuất xứ hàng hóa tại thời điểm làm thủ tục hải quan.

Đối với C/O mẫu VK, CPTPP trường hợp chưa có chứng từ chứng nhận xuất xứ hàng hóa tại thời điểm làm thủ tục hải quan, người khai hải quan khai bổ sung và nộp chứng từ chứng nhận xuất xứ hàng hóa trong thời hạn 01 năm kể từ ngày đăng ký tờ khai hải quan.

Trường hợp chưa có chứng từ chứng nhận xuất xứ hàng hóa nhập khẩu tại thời điểm làm thủ tục hải quan để áp dụng thuế suất thuế nhập khẩu ưu đãi đặc biệt theo quy định tại Hiệp định EVFTA, UKVFTA người khai hải quan phải khai chậm nộp chứng từ chứng nhận xuất xứ trên tờ khai hải quan nhập khẩu và được khai bổ sung, nộp chứng từ chứng nhận xuất xứ hàng hóa trong thời hạn không quá 02 năm kể từ ngày đăng ký tờ khai hải quan nhập khẩu và trong thời hạn hiệu lực của chứng từ chứng nhận xuất xứ hàng hóa.

3.6. THỜI HẠN HIỆU LỰC CỦA CHỨNG TỪ CHỨNG NHẬN XUẤT XỨ

Chứng từ chứng nhận xuất xứ có hiệu lực trong vòng 12 tháng kể từ ngày phát hành.

3.7. C/O ĐIỆN TỬ

Tùy từng cách hiểu tại các Hiệp định, C/O điện tử được thường dùng chỉ C/O sử dụng chữ ký và con dấu điện tử hoặc C/O được truyền qua hệ thống một cửa quốc gia.

Theo quy định của ASEAN, “C/O điện tử” là C/O được xây dựng theo tài liệu “Hướng dẫn Thực hiện thông điệp và Đặc tả xử lý C/O mẫu D ATIGA điện tử và được truyền theo phương thức điện tử giữa các Nước thành viên thông qua Cơ chế một cửa ASEAN theo các quy định về an toàn và bảo mật thông tin nêu tại Nghị định thư về Khung pháp lý thực hiện Cơ chế một cửa ASEAN.

Các FTA hiện cho phép nộp C/O sử dụng chữ ký và con dấu điện tử bao gồm: AANZFTA, AKFTA, CPTPP, ATIGA, EVFTA, UKVFTA

Đối với C/O mẫu D theo ATIGA, chứng nhận xuất xứ được truyền qua hệ thống một cửa ASEAN.

Tại Việt Nam, C/O điện tử có thể được cấp thông qua trang web: <http://www.ecosys.gov.vn/>

3.8. TỰ CHỨNG NHẬN XUẤT XỨ

Tự chứng nhận xuất xứ hàng hóa là hình thức thương nhân tự khai báo và cam kết về xuất xứ của hàng hóa theo quy định của pháp luật.

Hiện nay, cơ chế này chỉ được thực hiện theo Hiệp định ATIGA, CPTPP và EVFTA, UKVFTA.

3.9. TỰ CHỨNG NHẬN XUẤT XỨ ĐỐI VỚI HÀNG HÓA NHẬP KHẨU

- Đối với Hiệp định ATIGA

Chứng từ tự chứng nhận hàng hóa được chấp thuận khi được phát hành bởi nhà xuất khẩu đã được cơ quan có thẩm quyền cấp phép. Danh sách các doanh nghiệp này được các nước ASEAN cập nhật trên trang điện tử của ASEAN.

- Đối với Hiệp định CPTPP

Chứng từ tự chứng nhận xuất xứ được chấp thuận khi phát hành bởi người xuất khẩu, người sản xuất với điều kiện đảm bảo các thông tin tối thiểu đối với chứng từ chứng nhận xuất xứ hàng hóa.

- Đối với Hiệp định EVFTA

Chứng từ tự chứng nhận xuất xứ được chấp thuận khi được phát hành bởi nhà xuất khẩu đủ điều kiện theo quy định của Liên minh châu Âu (nhà xuất khẩu đăng ký mã số REX) cho lô hàng có giá trị bất kỳ; hoặc được phát hành bởi nhà xuất khẩu bất kỳ cho lô hàng có giá trị không quá 6000 EUR.

- Đối với Hiệp định UKVFTA

Chứng từ tự chứng nhận xuất xứ được chấp thuận khi được phát hành bởi nhà xuất khẩu đủ điều kiện theo quy định của Vương quốc Anh cho lô hàng có giá trị bất kỳ; hoặc được phát hành bởi nhà xuất khẩu bất kỳ cho lô hàng có giá trị không quá 6000 EUR.

3.10. TỰ CHỨNG NHẬN XUẤT XỨ ĐỐI VỚI HÀNG HÓA XUẤT KHẨU

- Đối với Hiệp định ATIGA

Theo quy định, chỉ nhà xuất khẩu đồng thời là nhà sản xuất mới được phép tự chứng nhận xuất xứ. Bên cạnh đó, để được thực hiện tự chứng nhận xuất xứ, doanh nghiệp phải đáp ứng một số các điều kiện bao gồm: (i) Không vi phạm quy định về xuất xứ hàng hóa trong 02 năm gần nhất tính đến thời điểm nộp hồ sơ đăng ký tự chứng nhận xuất xứ hàng hóa; (ii) Có cán bộ được đào tạo về xuất xứ hàng hóa do đơn vị đào tạo đã được Bộ Công Thương hoặc được Cục Xuất nhập khẩu (Bộ Công Thương) chỉ định.

Ngoài ra, thương nhân có thể đề nghị tự chứng nhận xuất xứ hàng hóa theo cơ chế AWSC nếu đáp ứng các quy định: (i) Đã được cấp C/O ưu đãi đối với hàng hóa cùng nhóm HS (4 số) trong 02 năm gần nhất tính đến thời điểm nộp hồ sơ đề nghị cấp Văn bản chấp thuận; (ii) Trong trường hợp nhà xuất khẩu không phải là nhà sản xuất; thì nhà xuất khẩu phải được nhà sản xuất cam kết bằng văn bản về xuất xứ của hàng hóa xuất khẩu và sẵn sàng hợp tác trong trường hợp kiểm tra hồ sơ, chứng từ chứng nhận xuất xứ hàng hóa và kiểm tra, xác minh tại cơ sở sản xuất.

Doanh nghiệp đáp ứng các điều kiện trên có thể gửi yêu cầu để được Cục Xuất nhập khẩu (Bộ Công Thương) cấp Văn bản chấp thuận để thực hiện tự chứng nhận xuất xứ.

- Đối với Hiệp định CPTPP

Hiện nay, hàng hóa xuất khẩu của Việt Nam chưa cho phép áp dụng tự chứng nhận xuất xứ.

- Đối với Hiệp định EVFTA/ UKVFTA

Nhà xuất khẩu được tự chứng nhận xuất xứ hàng hóa cho lô hàng trị giá không quá 6.000 EUR.

3.11. MIỄN CHỨNG TỪ CHỨNG NHẬN XUẤT XỨ HÀNG HÓA

Một số Hiệp định quy định về ngưỡng trị giá hàng hóa được miễn chứng từ chứng nhận xuất xứ hàng hóa:

- Đối với Hiệp định EVFTA/UKVFTA:

(i) 500 EUR đối với kiện hàng nhỏ hoặc 1.200 EUR (đối với hàng hóa là một phần hành lý cá nhân của người đi du lịch khi nhập cảnh vào Liên minh châu Âu/Vương quốc Liên hiệp Anh và Bắc Ai-len

(ii) 200 USD đối với trường hợp kiện hàng nhỏ và hàng hóa là một phần hành lý cá nhân của người đi du lịch khi nhập cảnh vào Việt Nam.

- o Đối với Hiệp định CPTPP, hàng hóa được miễn C/O nếu trị giá không vượt quá 1.000 USD.
- o Đối với Hiệp định VKFTA, hàng hóa được miễn C/O nếu trị giá không vượt quá 600 USD.
- o Trong các trường hợp khác, hàng hóa được miễn C/O nếu trị giá không vượt quá 200 USD.

3.12. VẬN CHUYỂN TRỰC TIẾP VÀ QUÁ CẢNH CHUYỂN TẢI

Quy định về vận chuyển trực tiếp về cơ bản giống nhau trong các FTA. Theo đó, hàng hóa phải được vận chuyển trực tiếp từ lãnh thổ của nước, nhóm nước hoặc vùng lãnh thổ xuất khẩu tới lãnh thổ của nước, nhóm nước hoặc vùng lãnh thổ nhập khẩu.

Bên cạnh đó, hàng hóa được vận chuyển qua một hoặc nhiều nước, nhóm nước hoặc vùng lãnh thổ, ngoài nước, nhóm nước hoặc vùng lãnh thổ nhập khẩu hoặc nước, nhóm nước hoặc vùng lãnh thổ xuất khẩu cũng đáp ứng quy định về vận chuyển trực tiếp nếu thỏa mãn các yêu cầu điều kiện:

- Quá cảnh là cần thiết vì lý do địa lý hoặc do các yêu cầu có liên quan trực tiếp đến vận tải;
- Hàng hóa không tham gia vào giao dịch thương mại hoặc tiêu thụ tại nước, nhóm nước hoặc vùng lãnh thổ quá cảnh đó;

- Hàng hóa không trải qua bất kỳ công đoạn nào khác ngoài việc dỡ hàng và bốc lại hàng hoặc những công đoạn cần thiết để giữ hàng hóa trong điều kiện tốt (Các Hiệp định CPTPP, EVFTA, UKVFTA cho phép hàng hóa được trải qua một số công đoạn khác như chia tách lô hàng, lưu kho, dán nhãn hoặc đánh dấu với điều kiện các hoạt động này đặt dưới sự giám sát của cơ quan hải quan).

4. CÁC VẤN ĐỀ CƠ BẢN VỀ QUY TRÌNH THỦ TỤC HẢI QUAN

4.1. ĐIỀU KIỆN ĐỂ ĐƯỢC HƯỞNG THUẾ ƯU ĐÃI ĐẶC BIỆT ĐỐI VỚI HÀNG XUẤT KHẨU

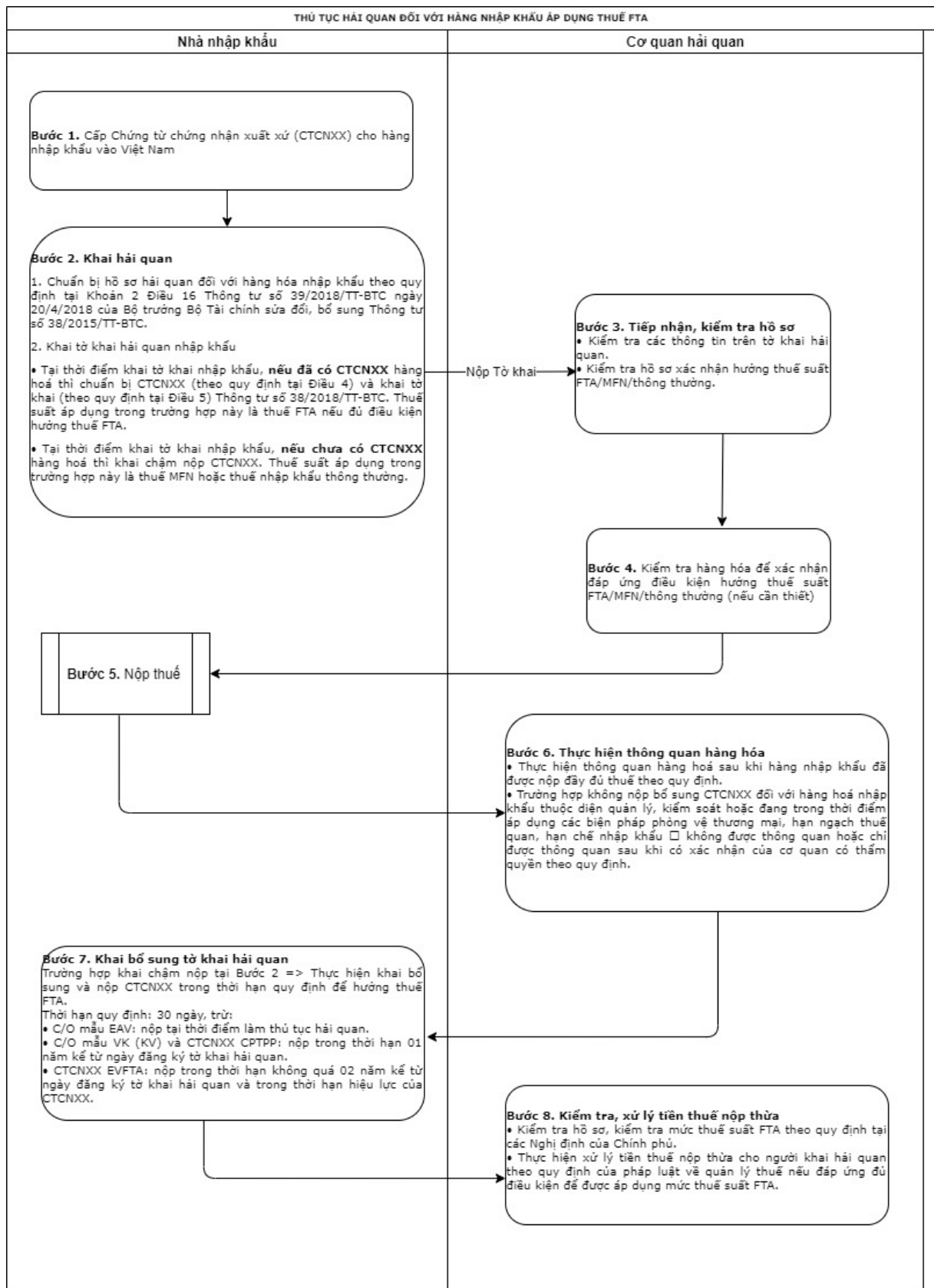
Hiện nay, thuế xuất khẩu ưu đãi chỉ được áp dụng trong khuôn khổ Hiệp định CPTPP và EVFTA, UKVFTA theo đó, điều kiện để hưởng ưu đãi bao gồm:

- Hàng hóa được quy định tại Biểu thuế xuất khẩu ưu đãi quy định tại các Nghị định hướng dẫn thực thi (Nghị định số 57/2019/NĐ-CP ngày 26/6/2019, Nghị định số 111/2020/NĐ-CP ngày 18/9/2020 và Nghị định số 53/2021/NĐ-CP ngày 21/5/2021 của Chính phủ).
- Được nhập khẩu vào lãnh thổ các quốc gia là thành viên các Hiệp định.
- Có chứng từ vận tải thể hiện đích đến là lãnh thổ các quốc gia thành viên các Hiệp định.
- Có tờ khai hải quan nhập khẩu của lô hàng có xuất xứ từ Việt Nam nhập khẩu vào lãnh thổ các quốc gia thành viên thuộc hiệp định.

4.2. ĐIỀU KIỆN ĐỂ ĐƯỢC HƯỞNG THUẾ ƯU ĐÃI ĐẶC BIỆT ĐỐI VỚI HÀNG NHẬP KHẨU

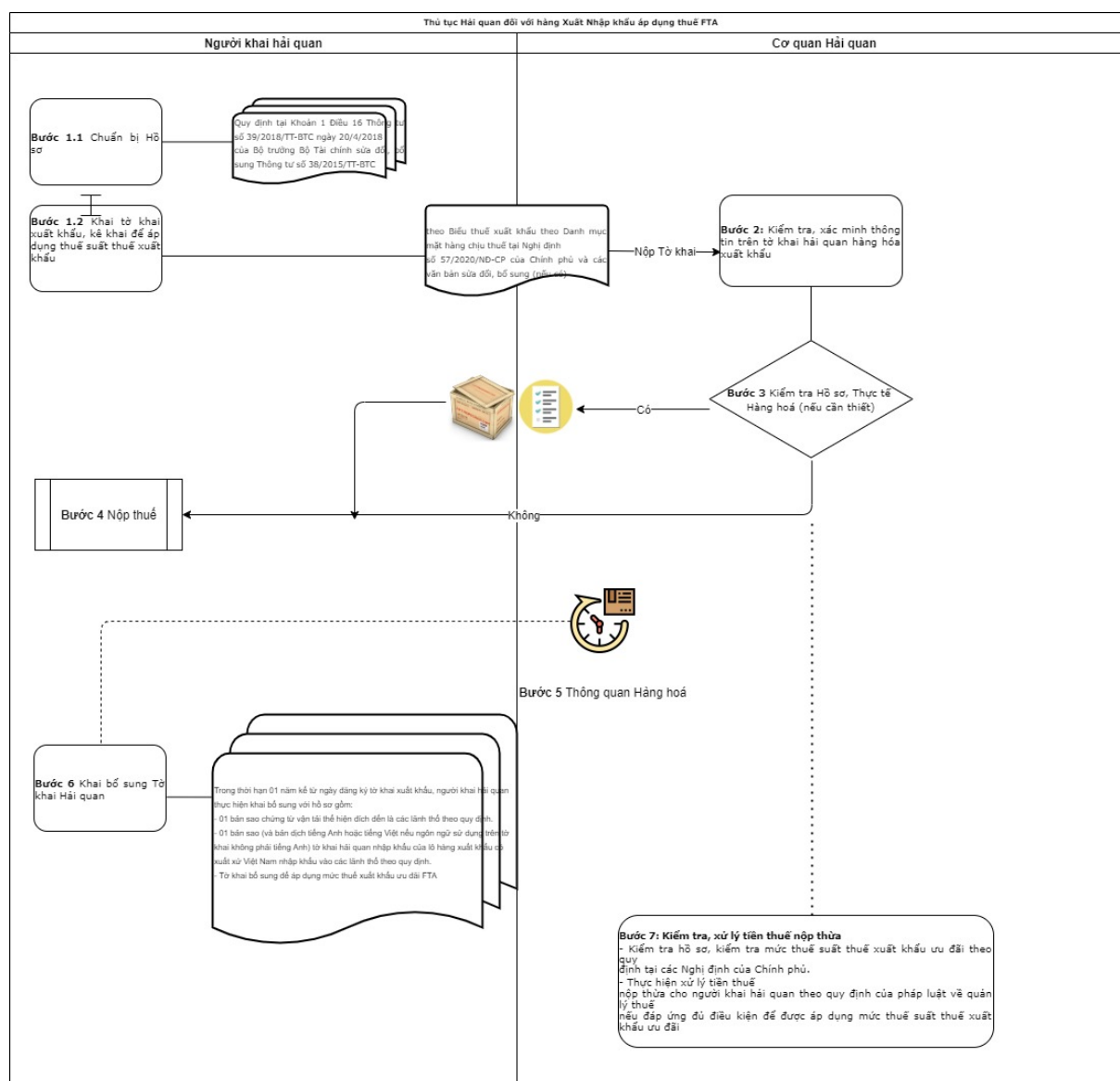
- Hàng hóa được quy định tại Biểu thuế nhập khẩu ưu đãi đặc biệt quy định tại các Nghị định hướng dẫn thực thi 14 FTA.
- Được nhập khẩu từ lãnh thổ các quốc gia thành viên của Hiệp định và từ khu phi thuế quan vào thị trường trong nước.
- Đáp ứng quy định về xuất xứ hàng hóa và có chứng từ chứng nhận xuất xứ hàng hóa theo quy định của các FTA mà Việt Nam là thành viên.

4.3. SƠ LƯỢC VỀ QUY TRÌNH, THỦ TỤC HẢI QUAN ĐỐI VỚI HÀNG NHẬP KHẨU ÁP DỤNG THUẾ FTA



4.4. SƠ LƯỢC VỀ QUY TRÌNH, THỦ TỤC HẢI QUAN ĐỐI VỚI HÀNG XUẤT KHẨU ÁP DỤNG THUẾ FTA

Hiện nay, Việt Nam chỉ cam kết cắt giảm hoặc xoá bỏ thuế xuất khẩu ưu đãi trong 03 FTA là CPTPP, EVFTA và UKVFTA. Quy trình thực hiện hoạt động xuất khẩu cụ thể như sau:



II. HƯỚNG DẪN CHI TIẾT VỀ THUẾ XUẤT KHẨU, NHẬP KHẨU ƯU ĐÃI ĐẶC BIỆT

1. HƯỚNG DẪN CÁCH ĐỌC CAM KẾT VỀ THUẾ QUAN THEO CÁC FTA

Theo các Hiệp định FTA, cam kết mở cửa thị trường hàng hóa thường được quy định tại Chương 2 của Hiệp định. Các nội dung cam kết chính về mở cửa thị trường thường bao gồm: phạm vi, mục đích, định nghĩa, nguyên tắc đối xử quốc gia, phân loại hàng hóa/ thay đổi về mã hàng, cắt giảm/xoá bỏ thuế quan, các biện pháp cụ thể liên quan đến ưu đãi thuế quan, hạn chế xuất khẩu, nhập khẩu, thực thi các quy định thương mại, thủ tục cấp phép xuất nhập khẩu, phí, lệ phí và thủ tục hành chính liên quan đến xuất nhập khẩu, Ủy ban thương mại hàng hóa,... Ngoài ra, các FTA thế hệ mới có thể có thêm một số quy định liên quan đến hàng tân trang, hàng sửa chữa, thuế xuất khẩu, dán nhãn xuất xứ,...

Về biểu lộ trình cắt giảm thuế quan của các bên theo FTA: Một số thuật ngữ về mức thuế suất cơ sở, danh mục cắt giảm thuế quan, hàng hóa áp dụng hạn ngạch thuế quan, cách xác định năm thứ nhất, năm thứ hai,... của hiệp định thường được quy định tại Phụ lục/Tiểu phụ lục về các quy định chung (General notes), là một phần không tách rời của Hiệp định. Tùy theo từng FTA, các quy định nêu trên có thể khác nhau, tuy nhiên, về cơ bản được hiểu như sau:

a) Thuế suất cơ sở là mức thuế suất MFN tại thời điểm đàm phán do hai bên thống nhất lựa chọn. Mỗi dòng thuế có một mức thuế suất cơ sở. Đây là mức thuế suất gốc dùng để tính mức độ cắt giảm từng năm theo danh mục cắt giảm đã cam kết.

b) Danh mục cắt giảm thuế quan là thuật ngữ để chỉ cách thức cắt giảm thuế suất đối với một dòng thuế. Các danh mục cắt giảm thuế quan thường gặp trong các FTA gồm:

- Danh mục A (hoặc EIF): thuế quan đối với hàng hóa xuất xứ thuộc danh mục này trong Biểu thuế của một Bên sẽ được xóa bỏ hoàn toàn và các hàng hóa đó không bị áp thuế quan kể từ ngày FTA có hiệu lực.
- Danh mục B3, B5, B7, B10,...: thuế quan đối với hàng hóa xuất xứ thuộc các danh mục này trong Biểu thuế của một Bên sẽ được xóa bỏ dần đều sau lộ trình 3 năm, 5 năm, 7 năm, 10 năm,... bắt đầu từ ngày FTA có hiệu lực, và hàng hóa sau đó được hưởng mức thuế 0%.

Phụ thuộc vào mức độ bảo hộ của mỗi Bên, một số danh mục đặc biệt khác có thể được áp dụng như: giữ nguyên thuế suất cơ sở sau một số năm nhất định rồi xóa bỏ thuế quan từ năm tiếp theo trở đi, hoặc chỉ cắt giảm 25%/50%/75% của mức thuế suất cơ sở và sau đó giữ nguyên thuế suất, không xóa bỏ thuế quan,...

- Danh mục “Không cam kết”: Các dòng thuế thuộc danh mục này sẽ được loại trừ khỏi cam kết cắt giảm thuế của Việt Nam, đồng nghĩa với việc thuế suất cơ sở sẽ được giữ nguyên cho các dòng thuế không cam kết hoặc mức thuế suất MFN hiện hành sẽ được áp dụng đối với các dòng thuế này trong trường hợp FTA không quy định thuế suất cơ sở đối với danh mục “Không cam kết”.

c) Hàng hóa áp dụng hạn ngạch thuế quan được quy định cụ thể về xác định mặt hàng (số lượng dòng thuế), lượng hạn ngạch thuế quan, quy tắc xác định mức tăng trưởng lượng hạn ngạch sau mỗi năm (có thể tăng hoặc giữ nguyên), thuế suất cam kết áp dụng trong và ngoài lượng hạn ngạch thuế quan FTA, cách xác định lượng hạn ngạch thuế quan của năm đầu tiên khi số ngày của năm không đủ 365 ngày,...

d) Các năm của Hiệp định thường được xác định như sau:

- Năm thứ nhất được tính kể từ ngày có hiệu lực của Hiệp định cho đến ngày 31 tháng 12 của năm (trừ đối tác Nhật Bản tính năm tài chính bắt đầu từ ngày 01 tháng 4 và kết thúc vào ngày 31 tháng 3 của năm tiếp theo).
- Năm thứ hai, năm thứ ba,... được tính kể từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 cùng năm.

e) Làm tròn thuế suất: Một số nguyên tắc làm tròn thuế suất trong các FTA cụ thể như sau:

- Làm tròn đến số nguyên: thuế suất cụ thể từng năm trong biểu thuế chỉ xuất hiện số nguyên.
- Làm tròn đến một chữ số ở phần thập phân: nếu phần thập phân của mức thuế suất có nhiều hơn một chữ số thì làm tròn đến một chữ số ở phần thập phân theo nguyên tắc thông thường (từ 0-4 làm tròn xuống, 5-9 làm tròn lên).
- Làm tròn xuống đến một chữ số ở phần thập phân: nếu phần thập phân của mức thuế suất có nhiều hơn một chữ số thì làm tròn đến một chữ số ở phần thập phân theo nguyên tắc làm tròn xuống (ví dụ: 5,39126 làm tròn thành 5,3).

2. GIỚI THIỆU, HƯỚNG DẪN TRA CỨU THUẾ BẰNG WEBSITE CỦA TCHQ

Bước 1. Truy cập website của TCHQ theo địa chỉ: <https://www.customs.gov.vn/default.aspx>

HẢI QUAN VIỆT NAM
Chuyên nghiệp, Minh bạch, Hiệu quả

[Trang chủ](#) | [Sitemap](#) | [Liên hệ](#) | [ENGLISH](#)

[Giới thiệu](#)
[Thủ tục hải quan](#)
[Dịch vụ công](#)
[Hệ thống VNACCS/VICIS](#)

THÔNG BÁO:

- Thông báo chủ trương mua sắm seal định vị GPS
- Thông báo tạm hoãn kỳ thi tuyển công chức Tổng cục Hải quan năm 2021
- Danh sách container yếu cầu kiểm tra bằng máy soi trong quá trình xếp dỡ
- Thông báo: Về việc tổ chức thi cấp chứng chỉ nghiệp vụ khai hải quan năm 2021

Dịch vụ công

Cổng thanh toán điện tử và thông quan 24/7

Tra cứu mức độ tuân thủ

Tư vấn - Hỗ trợ về CSPL hải quan

Tra cứu Biểu thuế - Phân loại - HS

Đăng ký sử dụng Hệ thống VNACCS cho doanh nghiệp

In bảng kê mã vạch phương tiện chứa hàng

Tra cứu nợ thuế

HỘI NGHỊ
TIẾP XÚC GIỮA CỬ TRI VỚI NHỮNG ĐẠI BIỂU QUỐC HỘI MỚI
Vinh Thanh, ngày 22/05/2021
Cử tri huyện Vinh Thanh: Chúng tôi rất kỳ vọng đối với Bộ trưởng Hồ Đức Phớc

Hệ thống dịch vụ công trực tuyến
Công thông tin tờ khai hải quan
Đường dây nóng

Hệ thống VNACCS/VICIS
Tuyên truyền phổ biến pháp luật
Đề án giám sát hàng hóa đường biển, đường không

Số liệu thống kê

Chỉ tiêu	K1-T5 (tỷ USD)	+/- kỳ trước (%)
Xuất khẩu	11,89	-14,1
Nhập khẩu	13,82	0,4
Xuất nhập khẩu	25,70	-6,8
Cán cân thương mại	-1,93	-

[xem tiếp...](#)

Tin tức - Sự kiện

- Triển khai thêm 01 thủ tục của Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn trên Cơ chế một cửa quốc gia (28/05/2021 10:00 AM)

Văn bản

- Quyết định số 1434/QĐ-TCHQ ngày 20/5/2021 về gia hạn áp dụng chế độ ưu tiên
- Công văn số 2379/TCHQ-GSQL ngày 20/5/2021 của Tổng cục Hải quan v/v

Tỷ giá

Nguyên tệ	Ngày hiệu lực	Tỷ giá
USD	24/05/2021	22.950,00 đ
EUR	24/05/2021	27.555,66 đ

Bước 2. Tại phần Dịch vụ công – Chọn Tra cứu Biểu thuế - Phân loại – HS

HẢI QUAN VIỆT NAM
Chuyên nghiệp, Minh bạch, Hiệu quả

[Trang chủ](#) | [Sitemap](#) | [Liên hệ](#) | [ENGLISH](#)

[Giới thiệu](#)
[Thủ tục hải quan](#)
[Dịch vụ công](#)
[Hệ thống VNACCS/VICIS](#)

THÔNG BÁO:

- Thông báo chủ trương mua sắm seal định vị GPS
- Thông báo tạm hoãn kỳ thi tuyển công chức Tổng cục Hải quan năm 2021
- Danh sách container yếu cầu kiểm tra bằng máy soi trong quá trình xếp dỡ
- Thông báo: Về việc tổ chức thi cấp chứng chỉ nghiệp vụ khai hải quan năm 2021

Dịch vụ công

Cổng thanh toán điện tử và thông quan 24/7

Tra cứu mức độ tuân thủ

Tư vấn - Hỗ trợ về CSPL hải quan

Tra cứu Biểu thuế - Phân loại - HS

Đăng ký sử dụng Hệ thống VNACCS cho doanh nghiệp

In bảng kê mã vạch phương tiện chứa hàng

Tra cứu nợ thuế

Tra cứu nợ thuế của tờ khai hải quan

Tra cứu thông tin tờ khai hải quan

Thông tin đại lý hải quan

Thư viện văn bản

Đăng ký Doanh nghiệp sử dụng chữ ký số

Tiếp nhận phản ánh - kiến nghị

Danh sách các công ty được cấp giấy xác nhận đủ điều kiện nhập khẩu phế liệu

Tiếp nhận thông tin doanh nghiệp

Tiếp nhận thông tin vi phạm pháp luật hải quan

Thông kê Hải quan

Thông tin chung và tài khoản kho bạc của các đơn vị hải quan

Tra cứu tỷ giá

Phân loại hàng hóa

Tin tức - Sự kiện

- Triển khai thêm 01 thủ tục của Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn trên Cơ chế một cửa quốc gia (28/05/2021 10:00 AM)
- Sơ bộ tình hình xuất nhập khẩu hàng hóa của Việt Nam

Văn bản

- Quyết định số 1434/QĐ-TCHQ ngày 20/5/2021 về gia hạn áp dụng chế độ ưu tiên
- Công văn số 2379/TCHQ-GSQL ngày 20/5/2021 của Tổng cục Hải quan v/v chấn chỉnh công tác tiếp nhận v/v từ C/O mẫu D đến từ

Tỷ giá

Nguyên tệ	Ngày hiệu lực	Tỷ giá
USD	24/05/2021	22.950,00 đ
EUR	24/05/2021	27.555,66 đ

Bước 3. Chọn Thuế muốn tra cứu, ví dụ ở đây là Thuế nhập khẩu

HẢI QUAN VIỆT NAM
Chuyên nghiệp - Minh bạch - Hiệu quả

TRANG CHỦ | GIỚI THIỆU | TIN TỨC | CHÍNH SÁCH VÀ THỦ TỤC | DỊCH VỤ CÔNG TRỰC TUYẾN | CUNG CẤP THÔNG TIN

Nhập khẩu

Tìm kiếm *

- Nhập vào chuỗi mã số để tìm kiếm theo mã số HS (phải nhập tối thiểu 4 số) Ví dụ: 0101 0105 7010 hoặc
- Nhập từ khóa để tìm kiếm trong mô tả hàng hoá. Ví dụ: Gia cầm

☐ Nhập khẩu ưu đãi

☐ Nhập khẩu ưu đãi đặc biệt

☐ ASEAN (ATIGA)

☐ ASEAN - Ấn Độ (AIFTA)

☐ ASEAN - Hàn Quốc (AKFTA)

☐ ASEAN - Hồng Kông (AHKFTA)

☐ ASEAN - Nhật Bản (AJCEP)

☐ ASEAN - Trung Quốc (ACFTA)

☐ Việt Nam - Chile (VCFTA)

☐ Việt Nam - Hàn Quốc (AKFTA)

Bước 4. Nhập thông tin vào ô tìm kiếm, ở đây có thể lựa chọn nhập theo mã số (phải nhập tối thiểu 4 số) hoặc mô tả.

Trong ví dụ đang tra cứu thuế cho mã số 8207.90.00 (Các dụng cụ có thể thay đổi được khác)

HẢI QUAN VIỆT NAM
Chuyên nghiệp - Minh bạch - Hiệu quả

TRANG CHỦ | GIỚI THIỆU | TIN TỨC | CHÍNH SÁCH VÀ THỦ TỤC | DỊCH VỤ CÔNG TRỰC TUYẾN | CUNG CẤP THÔNG TIN

Dịch vụ công trực tuyến Trang chủ > Dịch vụ công trực tuyến > Tra cứu Biểu thuế - phân loại HS

Nhập khẩu

Tìm kiếm *

- Nhập vào chuỗi mã số để tìm kiếm theo mã số HS (phải nhập tối thiểu 4 số) Ví dụ: 0101 0105 7010 hoặc
- Nhập từ khóa để tìm kiếm trong mô tả hàng hoá. Ví dụ: Gia cầm

☐ Nhập khẩu ưu đãi

☐ Nhập khẩu ưu đãi đặc biệt

☐ ASEAN (ATIGA)

☐ ASEAN - Ấn Độ (AIFTA)

☐ ASEAN - Hàn Quốc (AKFTA)

☐ ASEAN - Hồng Kông (AHKFTA)

Bước 5. Chọn biểu thuế cần tra cứu

Trong ví dụ đang tra cứu thuế cho biểu ATIGA

☐ Việt Nam - Hàn Quốc (VKFTA)
☐ Việt Nam - Cu Ba
☐ Việt Nam - Liên minh kinh tế Á - Âu (VN-EAEU FTA)
☐ Việt Nam - Liên minh châu Âu (EVFTA)
☐ Việt Nam - Nhật Bản (VJEPA)
☐ Việt Nam - Úc - Niu Di-Lân (AANZFTA)
☐ Hiệp định CPTPP - LB Mê-Hi-cô
☐ Hiệp định CPTPP - Các nước khác
☐ Nhập khẩu thông thường

Nhập mã captcha

Mã HS	Mô tả hàng hoá	ATIGA
8207	Các dụng cụ có thể thay đổi được dùng cho các dụng cụ cầm tay, có hoặc không hoạt động bằng điện, hoặc dùng cho máy công cụ (ví dụ, để ép, dập, đục lỗ, ta rô, ren, khoan, chấu, phay, cắt, tiện hay bắt, đóng vít), kể cả khuôn kéo để kéo hoặc ép đùn kim loại	
82079000	- Các dụng cụ có thể thay đổi được khác	0

Địa chỉ: Lô E3 - Đường Dương Đình Nghệ, Phường Yên Hòa, Quận Cầu Giấy, TP. Hà Nội
 Email: webmaster@customs.gov.vn
 Website: http://tongcuc.customs.gov.vn
 Điện thoại: (+8424) 39440833 (ext: 8621)
 Đăng ký nhận tin
 Sitemap

©Bản quyền 2019 Tổng cục Hải quan (General Department of Vietnam Customs)

3. TRA CỨU THUẾ NHẬP KHẨU, XUẤT KHẨU ƯU ĐÃI CỦA CÁC NƯỚC ĐỐI TÁC

STT	Tên nước	Đường dẫn tra cứu
1	Liên minh Châu Âu	https://ec.europa.eu/taxation_customs/dds2/taric/taric_consultation.jsp
2	Nhật Bản	https://www.customs.go.jp/english/tariff/index.htm
3	Hàn Quốc	https://unipass.customs.go.kr/clip/index.do
4	Trung Quốc	http://fta.mofcom.gov.cn/ftanew/taxSearch.shtml
5	Ấn Độ	https://www.cbic.gov.in/htdocs-cbec/customs/
6	Hồng Kông, Trung Quốc	Hồng Kông xóa bỏ tất cả thuế suất cho hàng hóa từ Việt Nam theo AHKFTA
7	Chile	https://www.aduana.cl/tratado-de-libre-comercio-chile-vietnam/aduana/2014-01-10/103726.html
8	Mê-hi-cô	http://www.economia-snci.gob.mx/
9	Thái Lan	http://itd.customs.go.th/igt/en/main_frame.jsp
10	Cam-pu-chia	https://customs.gov.kh/en
11	In-đô-nê-xi-a	https://intr.insw.go.id/index.php
12	Lào	https://laotradeportal.gov.la/index.php?r=tradeInfo/listAll
13	Ma-lai-xi-a	http://mysstext.customs.gov.my/tariff/
14	My-an-ma	https://www.customs.gov.mm/
15	Singapore	https://www.tradenet.gov.sg/tradenet/portlets/search/searchHSCA/searchInitHSCA.do
16	Canada	https://www.cbsa-asfc.gc.ca/trade-commerce/tariff-tarif/menu-eng.html

III. MỘT SỐ THÔNG TIN HỮU ÍCH

1. TRA CỨU THUẾ CỦA MỘT NƯỚC BẤT KỲ

Hiện nay, có nhiều website được thiết kế để tra cứu thuế suất dựa trên thông tin yêu cầu về nước xuất khẩu, nước nhập khẩu, mức thuế suất theo năm, mã hàng hoặc mô tả hàng hóa. Dưới đây là ví dụ hướng dẫn tra cứu thuế suất của hàng hóa từ Việt Nam nhập khẩu vào Đức (nước thành viên EU)

Bước 1. Truy cập link: <https://www.macmap.org/en/query/customs-duties>

Màn hình hiện ra như sau:

The screenshot shows the Market Access Map website. At the top, there is a navigation bar with links: Home, Access, Compare, Analyse, Download, COVID-19, About, NEW! Resources, and Account. The main heading is "Customs Tariffs" with the subtitle "Identify general, MFN and preferential tariffs applied by an importing country to its partners, by product and by year." Below this is a search form with the following fields: DESTINATION COUNTRY (with a dropdown menu showing "Select country"), EXPORTING COUNTRY (with a dropdown menu showing "All"), YEAR (with a dropdown menu showing "Year"), PRODUCT (with a dropdown menu showing "Search product by HS6 code or name"), and NATIONAL TARIFF LINE CODE (with a dropdown menu showing "Search product by HS6 code or name"). There is a "SEARCH" button and a link for "Advanced product search".

Bước 2. Khai thông tin theo yêu cầu của người dùng:

Tại trường "Destination country" (nước nhập khẩu hàng hóa), (ví dụ ở đây chọn "Germany" (Đức))

This screenshot shows the same search interface as the previous one, but with the "DESTINATION COUNTRY" dropdown menu open. The menu lists several countries: France, French Guiana, French Polynesia, French Southern territories, Gabon, Gambia, Georgia, and Germany. The "Germany" option is highlighted. The rest of the interface remains the same.

Tại trường "Exporting country" (nước xuất khẩu), chọn Viet Nam

Customs Tariffs

Identify general, MFN and preferential tariffs applied by an importing country to its partners, by product and by year.

DESTINATION COUNTRY: Germany

EXPORTING COUNTRY: Viet Nam

YEAR: 2021

PRODUCT: Search product by HS6 code or name

HS6 NATIONAL TARIFF LINE CODE

SEARCH

Advanced product search

International Trade Centre

FUNDERS: European Union, GRIPS

PARTNER: ALADI

CONNECT WITH US: International Trade Centre Trade and Market Intelligence, +41 (0)22 730 05 40, +41 (0)22 730 05 77

Năm tra cứu thuế suất đang được mặc định là năm 2021.

Tại trường “Product” (sản phẩm), nhập mã hàng là hàng hóa xuất khẩu của doanh nghiệp, ví dụ: 080112 (dừa còn nguyên sọ, tươi hoặc khô, đã hoặc chưa bóc vỏ hoặc lột vỏ)

Customs Tariffs

Identify general, MFN and preferential tariffs applied by an importing country to its partners, by product and by year.

DESTINATION COUNTRY: Germany

EXPORTING COUNTRY: Viet Nam

YEAR: 2021

PRODUCT: 080112

HS6 NATIONAL TARIFF LINE CODE

SEARCH

080112 - Coconuts, Brazil nuts and cashew nuts, fresh or dried, whether or not shelled or peeled : Coconuts : In the inner shell (endocarp)

International Trade Centre

FUNDERS: European Union, GRIPS

PARTNER: ALADI

CONNECT WITH US: International Trade Centre Trade and Market Intelligence, +41 (0)22 730 05 40, +41 (0)22 730 05 77

Ấn vào nút “Search” (tra cứu), màn hình sẽ hiện ra như sau:

Ngoài ra, doanh nghiệp có thể tìm hiểu một số công cụ tra cứu khác được hướng dẫn tại phần cuối của Sổ tay.

2. MỘT SỐ THÔNG TIN KHÁC

2.1. DANH MỤC VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT¹

¹ Danh mục văn bản tính đến thời điểm hoàn thành sổ tay. Trong trường hợp các quy định tại văn bản pháp luật trong danh mục trên có sự thay đổi bằng các quy định mới tại một văn bản pháp luật khác thì việc áp dụng sẽ theo văn bản mới ban hành

THUẾ XUẤT NHẬP KHẨU

QUY ĐỊNH CHUNG	
Luật Thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu ngày 06/4/2016	
	Nghị định số 134/2016/NĐ-CP ngày 01/9/2016
	Nghị định số 18/2021/NĐ-CP ngày 11/3/2021
Biểu thuế xuất khẩu, Biểu thuế nhập khẩu ưu đãi, Danh mục hàng hóa và mức thuế tuyệt đối, thuế hỗn hợp, thuế nhập khẩu ngoài hạn ngạch thuế quan	
	Nghị định số 122/2016/NĐ-CP ngày 01/9/2016
	Nghị định số 125/2017/NĐ-CP ngày 16/11/2017
	Nghị định số 57/2020/NĐ-CP ngày 25/5/2020
BIỂU THUẾ NK ƯU ĐÃI ĐẶC BIỆT THỰC HIỆN FTA	
ATIGA (2018 – 2022)	Nghị định số 156/2017/NĐ-CP ngày 27/12/2017
ACFTA (2018 – 2022)	Nghị định số 153/2017/NĐ-CP ngày 27/12/2017
AJCEP (2018 – 2022)	Nghị định số 160/2017/NĐ-CP ngày 27/12/2017
AKFTA (2018 – 2022)	Nghị định số 157/2017/NĐ-CP ngày 27/12/2017
AANZFTA (2018 – 2022)	Nghị định số 158/2017/NĐ-CP ngày 27/12/2017
AIFTA (2018 – 2022)	Nghị định số 159/2017/NĐ-CP ngày 27/12/2017
AHKFTA (2020 – 2022)	Nghị định số 07/2020/NĐ-CP ngày 05/01/2020
VJEPA (2018 – 2022)	Nghị định số 155/2017/NĐ-CP ngày 27/12/2017
VKFTA (2018 – 2022)	Nghị định số 149/2017/NĐ-CP ngày 26/12/2017
EVFTA (2020 – 2022)	Nghị định số 111/2020/NĐ-CP ngày 18/9/2020
VCFTA (2018 – 2022)	Nghị định số 154/2017/NĐ-CP ngày 27/12/2017
EAEU FTA (2018 – 2022)	Nghị định số 150/2017/NĐ-CP ngày 26/12/2017
CPTPP (2019 – 2022)	Nghị định số 57/2019/NĐ-CP ngày 26/6/2019
UKVFTA (2021 – 2022)	Nghị định số 53/2021/NĐ-CP ngày 21/5/2021
BIỂU THUẾ XK ƯU ĐÃI ĐẶC BIỆT THỰC HIỆN FTA	
EVFTA (2020 – 2022)	Nghị định số 111/2020/NĐ-CP ngày 18/9/2020
CPTPP (2019 – 2022)	Nghị định số 57/2019/NĐ-CP ngày 26/6/2019
UKVFTA (2021 – 2022)	Nghị định số 53/2021/NĐ-CP ngày 21/5/2021

QUY TẮC XUẤT XỨ

QUY ĐỊNH CHUNG	
Luật Quản lý ngoại thương ngày 12 tháng 6 năm 2017	
	Nghị định số 31/2018/NĐ-CP ngày 08/3/2018 quy định chi tiết Luật Quản lý ngoại thương về xuất xứ hàng hóa
	Thông tư số 05/2018/TT-BCT ngày 03/4/2018 quy định về xuất xứ hàng hóa và kê khai xuất xứ đối với hàng hóa xuất khẩu, hàng hóa nhập khẩu

Quy định về xác định xuất xứ hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu	
Thông tư số 38/2018/TT-BTC ngày 20/04/2018	
Thông tư số 62/2019/TT-BTC ngày 05/9/2019	
QUY TẮC XUẤT XỨ HÀNG HÓA TRONG FTA	
ATIGA	Thông tư số 19/2020/TT-BCT sửa đổi, bổ sung các Thông tư quy định thực hiện Quy tắc xuất xứ hàng hóa trong Hiệp định Thương mại hàng hóa ASEAN (Thông tư số 10/2019/TT-BCT ngày 22/7/2019; Thông tư số 22/2016/TT-BCT ngày 03/10/2016)
ACFTA	Thông tư số 12/2019/TT-BCT ngày 30/7/2019
AKFTA	Thông tư số 13/2019/TT-BCT ngày 31/7/2019 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 20/2014/TT-BCT ngày 25/6/2014 Thông tư số 26/2018/TT-BCT ngày 14/9/2018 sửa đổi, bổ sung Thông tư số 20/2014/TT-BCT
AANZFTA	Thông tư số 07/2020/TT-BCT ngày 30/03/2020 sửa đổi, bổ sung Thông tư số 31/2015/TT-BCT ngày 24/9/2015 Thông tư số 42/2018/TT-BCT ngày 12/11/2018 sửa đổi, bổ sung Thông tư số 31/2015/TT-BCT
AIFTA	Thông tư số 15/2010/TT-BCT ngày 15/4/2010
AHKFTA	Thông tư số 21/2019/TT-BCT ngày 08/11/2019
VJEPA	Thông tư số 10/2009/TT-BCT ngày 18/5/2009
VKFTA	Thông tư số 40/2015/TT-BCT ngày 18/11/2015
EVFTA	Thông tư số 11/2020/TT-BCT ngày 15/6/2020 Quyết định số 1949/QĐ-BCT đính chính Thông tư số 11/2020/TT-BCT Thông tư số 07/2021/TT-BTC ngày 25/1/2021
VCFTA	Thông tư số 31/2013/TT-BCT ngày 15/11/2013 Thông tư số 05/2015/TT-BCT ngày 27/03/2015 sửa đổi, bổ sung mẫu Giấy chứng nhận xuất xứ hàng hóa ban hành kèm theo Thông tư số 31/2013/TT-BCT
EAEU FTA	Thông tư số 11/2018/TT-BCT ngày 29/5/2018 sửa đổi, bổ sung Thông tư số 21/2016/TT-BCT ngày 20/9/2016
CPTPP	Thông tư số 06/2020/TT-BCT ngày 24/03/2020 sửa đổi, bổ sung Thông tư số 03/2019/TT-BCT ngày 22/01/2019

QUY ĐỊNH CHUNG

Luật Hải quan số ngày 23/6/2014

Nghị định số 08/2015/NĐ-CP ngày 21/01/2015 quy định chi tiết và biện pháp thi hành Luật hải quan về thủ tục hải quan, kiểm tra, giám sát, kiểm soát hải quan

Nghị định số 59/2018/NĐ-CP ngày 20/4/2018

Thông tư số 38/2015/TT-BTC ngày 25/3/2015 quy định về thủ tục hải quan; kiểm tra, giám sát hải quan; thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu và quản lý thuế đối với hàng hoá xuất khẩu, nhập khẩu

Thông tư số 39/2018/TT-BTC ngày 20/4/2018

Quy định áp dụng chế độ ưu tiên trong việc thực hiện thủ tục hải quan, kiểm tra, giám sát hải quan đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu của doanh nghiệp

Thông tư số 72/2015/TT-BTC ngày 12/5/2015

Thông tư số 07/2019/TT-BTC ngày 28/01/2019

Phân loại hàng hóa, phân tích để phân loại hàng hóa; phân tích để kiểm tra chất lượng; kiểm tra an toàn thực phẩm đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu

Thông tư số 14/2015/TT-BTC ngày 30/01/2015

Thông tư số 17/2021/TT-BTC ngày 26/02/2021

2.2. MỘT SỐ CÔNG CỤ ĐỂ TRA CỨU CÁC THÔNG TIN VỀ THƯƠNG MẠI

Tên công cụ	Nội dung	Hướng dẫn sử dụng
FTAP - Cổng thông tin điện tử về Hiệp định Thương mại tự do của Việt Nam	- FTAP do Bộ Công Thương và Ngân hàng Thế giới (WB) đã phối hợp xây dựng với sự hỗ trợ của Chính phủ Australia.	Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam (VCCI) xây dựng chuyên đề hướng dẫn khai thác, sử dụng FTAP, theo liên kết tại đây: https://trungtamwto.vn/chuyen-de/16800-ftap--cong-thong-tin-dien-tu

https://fta.moit.gov.vn/	- FTAP hỗ trợ tra cứu cam kết của tất cả các FTA mà Việt Nam tham gia, bao gồm các cam kết về thuế, quy tắc xuất xứ, dịch vụ và đầu tư, cũng như thông tin thiết yếu khác như tình hình thị trường, các quy định về xuất nhập khẩu; tra cứu thuế quan của Việt Nam và các nước đối tác; cập nhật chính sách và sự kiện.	tu-ve-hiep-dinh-thuong-mai-tu-do-cua-viet-nam
Công cụ Trade map – Bản đồ thương mại của ITC (Tiếng Anh) www.trademap.org	- Trade map là công cụ tra cứu được xây dựng bởi Trung tâm Thương mại Thế giới (ITC). - Trade map cung cấp số liệu thương mại (xuất nhập khẩu) và thuế quan theo từng sản phẩm (Danh mục hàng hóa) giữa các quốc gia. Công cụ cũng cho phép tra cứu nhu cầu của thị trường, các thị trường thay thế, các đối thủ cạnh tranh thông qua việc lọc dữ liệu xuất nhập khẩu theo hàng hóa, theo quốc gia, theo nhóm sản phẩm. Dữ liệu về thuế quan ở cấp độ 8 và 10 chữ số (cấp quốc gia) của hơn 120 quốc gia cũng được cập nhật hàng năm, được ITC thu thập trực tiếp từ các cơ quan có thẩm quyền của các quốc gia.	Cẩm nang hướng dẫn của ITC (tiếng Anh): http://www.intracen.org/uploadedFiles/intracenorg/Content/Exporters/Market_Data_and_Information/Market_Analysis_Tools/TradeMap-Userguide-EN.pdf VCCI cung cấp bản dịch cẩm nang tại liên kết dưới đây: http://trungtamwto.vn/an-pham/6335-cam-nang-huong-dan-su-dung-cong-cu-trade-map-cua-itc
Công cụ MAcMap – Bản đồ tiếp cận thị trường của ITC (Tiếng Anh) http://www.macmap.org/	- Công cụ do ITC xây dựng và phát triển, tập trung hỗ trợ việc tiếp cận thị trường thông qua cung cấp thông tin về các rào cản (thuế quan và phi thuế quan) khi tiếp cận thị trường đối với hàng hóa. - Cho phép tra cứu mức thuế MFN, thuế ưu đãi đơn phương và thuế ưu đãi theo các thỏa thuận song phương và đa phương, Về các rào cản phi thuế quan, MAcMap bao gồm các quy định về hạn ngạch nhập khẩu, các biện pháp phòng vệ thương mại và các yêu cầu về chứng nhận, các rào cản phi thương mại khác.	VCCI đã xây dựng chuyên đề hướng dẫn khai thác, sử dụng MacMap, theo liên kết tại đây: https://trungtamwto.vn/chuyen-de/12216-cong-cu-macmap---ban-do-tiep-can-thi-truong-cua-itc
Công cụ EPM - Bản đồ tiềm năng xuất khẩu của ITC (Tiếng Anh) http://exportpotential.intracen.org	Công cụ này được phát triển nhằm hỗ trợ doanh nghiệp tìm kiếm các thị trường tiềm năng cho sản phẩm xuất khẩu thông qua việc đánh giá nhu cầu của người tiêu dùng và các rào cản về thuế quan của các thị trường mục tiêu, mối quan hệ thương mại giữa thị trường xuất khẩu và thị trường	VCCI đã xây dựng chuyên đề hướng dẫn khai thác, sử dụng EPM, theo liên kết tại đây: https://trungtamwto.vn/chuyen-de/12217-cong-cu-export-potential-map-epm--ban-do-tiem-nang-xuat-khau-cua-itc

	mục tiêu sau đó đưa ra một bảng xếp hạng về các cơ hội chưa được khai thác. - EPM cung cấp chỉ số về tiềm năng xuất khẩu (xác định các sản phẩm có lợi thế cạnh tranh quốc tế và có triển vọng xuất khẩu tốt sang các thị trường mục tiêu) và chỉ số đa dạng hóa sản phẩm (xác định các sản phẩm hiện tại chưa có lợi thế cạnh tranh nhưng có tiềm năng xuất khẩu trong tương lai)	
VTIP - Cổng thông tin thương mại Việt Nam https://www.vietnamtradeportal.gov.vn	- Việc xây dựng trang Cổng thông tin thương mại Việt Nam (VTIP) đáp ứng các cam kết của Việt Nam tại Hiệp định Thuận lợi hóa thương mại của WTO - Cổng thông tin đăng tải các văn bản pháp lý, thủ tục, biểu mẫu, các thông tin liên quan tới biểu thuế, văn bản pháp quy và thủ tục liên quan tới xuất khẩu, nhập khẩu và quá cảnh tại Việt Nam.	Link đăng ký tài khoản: https://www.vietnamtradeportal.gov.vn/index.php?r=site/registration Ở thanh nội dung phía trên, người dùng có thể tìm thấy thông tin bao gồm giới thiệu chung, các câu hỏi thường gặp, phương thức liên hệ và trợ giúp trong tra cứu, cùng với hướng dẫn về các quy trình và thủ tục xuất khẩu, nhập khẩu và quá cảnh ở Việt Nam.
APECTR - Kho lưu trữ thương mại APEC (Tiếng Anh): http://tr.apec.org/	Kho dữ liệu hỗ trợ tìm kiếm, tra cứu thông tin trực tuyến về thương mại và thuế quan của các nước thành viên của Diễn đàn Hợp tác Kinh tế châu Á – Thái Bình Dương (APEC), bao gồm: Thuế suất MFN, Thuế suất ưu đãi; Quy tắc xuất xứ; Các thủ tục trong tạo thuận lợi thương mại; Các quy định và luật về Hải quan và Thương mại nội địa; Các yêu cầu về thủ tục và chứng từ đối với xuất nhập khẩu; Doanh nghiệp ưu tiên và thông tin về các thỏa thuận thừa nhận lẫn nhau.	- APECTR không yêu cầu đăng nhập. Doanh nghiệp có thể trực tiếp truy cập vào website và tra cứu các thông tin cần thiết. - Trang web APECTR có kết cấu gồm 4 mục bao gồm Trang chủ (Home), giới thiệu về trang web (APEC Trade Repository), các website hữu ích khác (Useful Links) và Thông tin liên hệ (Contact).

2.3. MỘT SỐ VẤN ĐỀ KHÁC

Hỏi: Các phương pháp nào để xác định xuất xứ của một hàng hóa trong CPTPP?

Đối với CPTPP, Hiệp định quy định 3 phương pháp để xác định xuất xứ của một hàng hóa, bao gồm: (i) hàng hóa có xuất xứ thuần túy; (ii) hàng hóa được sản xuất từ nguyên liệu trong khu vực CPTPP; và (iii) quy tắc cụ thể đối với từng mặt hàng (PSR).

Bên cạnh đó, quy tắc cộng gộp cho phép các nước CPTPP được coi nguyên liệu của một hoặc nhiều nước CPTPP khác như là nguyên liệu của nước mình khi sử dụng nguyên liệu đó để sản xuất ra một hàng hóa có xuất xứ CPTPP.

Hỏi: Sau khi EVFTA có hiệu lực, doanh nghiệp có thể tiếp tục tự chứng nhận xuất xứ mã REX theo GSP được nữa hay không? Vì chúng tôi mới sử dụng mã REX được một thời gian và bây giờ EVFTA lại sử dụng C/O mẫu EUR.1?

Sau khi EVFTA có hiệu lực (từ ngày 01/8/2020), cơ chế GSP mà EU dành cho Việt Nam vẫn có thể được áp dụng trong vòng 2 năm. Sau 2 năm kể từ ngày EVFTA có hiệu lực, tức là từ ngày 01/8/2022, cơ chế GSP sẽ chấm dứt và nhà xuất khẩu cần thực hiện chứng nhận xuất xứ hoàn toàn theo EVFTA.

Hỏi: Trong lô hàng của chúng tôi, có một số mặt hàng nhà nhập khẩu tại EU muốn được hưởng thuế theo EVFTA nhưng một số mặt hàng khác lại muốn hưởng thuế theo GSP. Vậy chúng tôi có thể có hai chứng từ chứng nhận xuất xứ hàng hóa theo cả EVFTA và GSP được không?

Đối với lô hàng bao gồm một số mặt hàng đáp ứng tiêu chí xuất xứ theo GSP và một số mặt hàng đáp ứng tiêu chí xuất xứ theo EVFTA, lô hàng đó có thể được chứng nhận xuất xứ theo cả hai cơ chế (cho mặt hàng đáp ứng tiêu chí xuất xứ tại cơ chế tương ứng).

IV. TỔNG KẾT

Các Hiệp định thương mại tự do mang lại rất nhiều cơ hội cho các doanh nghiệp mở rộng thị trường xuất khẩu, tham gia vào chuỗi cung ứng toàn cầu, tiếp cận các công nghệ mới, cơ hội tiếp cận thị trường với thương mại xuyên biên giới. Nhằm tận dụng một cách có hiệu quả các ưu đãi từ các FTA, đặc biệt là những ưu đãi thuế quan, doanh nghiệp cần có các sự chuẩn bị một cách kỹ lưỡng từ giai đoạn tìm hiểu thị trường cho tới thực hiện các hoạt động xuất nhập khẩu hàng hóa.

Ở giai đoạn tìm hiểu thị trường, cần đảm bảo trang bị đủ các kiến thức về:

- Thông tin cơ bản về thị trường xuất khẩu, nhập khẩu hướng đến
- Thuế suất đang được áp dụng đối với các thị trường (thuế suất ưu đãi (MFN), thuế suất ưu đãi đặc biệt (FTA), các ưu đãi thuế quan theo các chương trình khác như GSP, ...)
- Các quy định về xuất xứ hàng hóa nhằm đảm bảo đủ điều kiện để hưởng các ưu đãi thuế quan
- Các nội dung về hệ thống hài hòa mô tả và mã số hàng hóa (HS, AHTN, Danh mục hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu Việt Nam)
- Các quy định về tiêu chuẩn kỹ thuật, rào cản phi thuế quan liên quan đến mặt hàng xuất, nhập khẩu

Khi thực hiện hoạt động xuất nhập khẩu, cần đảm bảo:

- Chuẩn bị đủ các chứng từ cần thiết đặc biệt là chứng từ chứng nhận xuất xứ
- Tuân thủ đúng quy trình, thủ tục hải quan